

ẢNH HƯỞNG CỦA GIÁO LÝ NHÂN QUẢ TRONG ĐỜI SỐNG VĂN HÓA DÂN TỘC

Thích Nhuận Ân

A. DẪN NHẬP

Đạo Phật xuất hiện cách đây hơn 20 thế kỷ, trải qua bao cuộc thăng trầm biến thiên của lịch sử, Đạo Phật vẫn mãi mãi là ánh sáng, vẫn mãi mãi là tiếng nói trong trẻo, tươi mát, trẻ trung, khả ái của tình thương và độ lượng. Qua mọi xứ sở và thời đại, Đạo Phật đã khéo léo dùng mọi phương tiện để có thể tùy nghi thích ứng với từng nền văn hóa khác nhau trong từng dân tộc. Càng tiến hóa bao nhiêu, nhân loại càng nhận ra được giá trị long lanh màu nhiệm trong từng lời dạy của Đức Phật. Bởi lẽ, giáo lý của Đạo Phật đã mang đến cho con người niềm vui và hạnh phúc. Nó không vì mục đích giải thoát tự thân mà vì an vui hạnh phúc cho tha nhân và mọi loài. Giáo lý của Đạo Phật không còn hạn hẹp, thu mình trong một đất nước Ấn Độ cổ đại, mà đã vượt qua muôn trùng không gian và thời gian để đến với con người. Do vậy, để ngọn đèn chánh Pháp được mãi thấp sáng và lưu truyền trong nhân loại, ta hãy lắng nghe lời Phật dạy :“Này các tỳ kheo, hãy lên đường thuyết Pháp vì hạnh phúc, vì an lạc cho chúng sanh, vì lòng thương tưởng cho đời, vì hạnh phúc, vì an lạc cho chư thiên và loài người”

Cùng trong trào lưu ấy, Đạo Phật đã đến với Việt nam vào những ngày đầu của thế kỷ thứ 2 Tây lịch. Trải qua hơn 20 thế kỷ, Đạo Phật đã hoà quyện cùng dân tộc Việt nam và đã đem lại cho con người Việt nam, cho đất nước Việt nam suối nguồn an lạc và giải thoát. Đạo Phật đã giúp cho con người Việt nam sống hòa bình và hạnh phúc, giữ gìn đất nước thịnh vượng, giàu bản sắc văn hóa dân tộc. Trên tiến trình đó, ngọn gió từ bi đã mang tinh thần hòa hợp, nhân ái, bình đẳng, vị tha... thổi vào đời sống văn hóa sinh hoạt, phong tục, tập quán của dân tộc Việt nam.

Hơn bao giờ hết, giáo lý của Đạo Phật đã được dân tộc Việt nam tiếp nhận một cách dễ dàng bởi tính thiết thực và gần gũi trong đời sống sinh hoạt thường nhật. Tư tưởng triết lý của Đạo Phật đã thấm nhuần tinh thần dân tộc Việt nam. Một trong những giáo lý rất gần gũi với người Việt Nam chính là giáo lý nhân quả. Một giáo lý đã ăn sâu vào hệ tư tưởng của mọi tầng lớp, mọi người dân Việt Nam. Nó không chỉ ảnh hưởng trên lý thuyết thông qua những bài giảng, qua kinh sách mà đã được thể hiện rõ nét qua cách sống, qua ý thức thực hành một cách tự nhiên, trở thành một bản năng vốn có của con người. Thấy được giá trị ấy, với đam mê sở thích tìm hiểu nghiên cứu về những vấn đề văn hóa dân tộc Việt Nam, người viết đã mạnh dạn chọn cho mình đề tài “Ảnh Hưởng Của Giáo Lý Nhân Quả Trong Đời Sống Văn Hóa Dân Tộc” như một thử thách ban đầu trong công việc tìm hiểu và nghiên cứu sau này. Giáo lý nhân quả tuy đã được nói đến rất nhiều trong các kinh sách, trong những bài viết có giá trị và ý nghĩa sâu sắc của nhiều tác giả khác nhau trong và ngoài nước. Nhưng một lần nữa, người viết muốn được tự mình khám phá thêm nhiều điều mới, nhất là tìm hiểu qua giá trị luân lý đạo đức và ảnh hưởng của giáo lý nhân quả đối với nền văn hóa dân tộc Việt nam. Bởi lẽ, trong xã hội ngày nay, một xã hội có biết bao điều đáng nói. Nơi ấy, con người ta thật khó có thể phân biệt được ranh giới rõ ràng giữa cái thiện và cái ác. Qua đề tài này, người viết muốn cùng mọi người cất lên tiếng chuông cảnh tỉnh, để cùng nhau ý thức và xây dựng cho mình một đời sống lành mạnh nhất.

Trong tập luận văn này, người viết không nhằm mục đích trình bày toàn bộ hệ thống giáo lý nhân quả một cách chi tiết toàn mỹ, mà chỉ đưa ra những khái quát chung về những khía cạnh căn bản nhất để minh họa cho những lý luận sau. Qua đó muốn cho người đọc thấy được những ảnh hưởng sâu sắc nhất của giáo lý nhân quả trong đời sống văn hóa sinh hoạt của con người Việt nam, dân tộc Việt nam. Với khuynh hướng trên, trong đề tài này người viết xin được trình bày qua ba phần chính như sau:

1. Khái quát về giáo lý nhân quả.
2. Ảnh hưởng của giáo lý nhân quả trong đời sống văn hóa dân tộc.
3. Tính nhân văn của giáo lý nhân quả đối với xã hội.

Mong rằng bài viết như là một quá trình tìm hiểu qua những khía cạnh văn hóa mà người viết đã được học tập và tiếp nhận qua bốn năm dưới mái trường Học Viện. Nhân bài viết này, người viết xin được thành kính đánh lễ và chân thành tri ân Chư Tôn Đức trong Hội Đồng Học Viện, Chư Tôn Đức, Chư Vị Giáo Thọ Sư trong Ban Giảng Huấn Học Viện Phật Giáo Việt Nam tại Thành Phố Hồ Chí Minh. Nhất là giáo sư Minh Chi đã tận tình hướng dẫn cũng như cung cấp những tài liệu quý giá để con có thể hoàn thành tốt luận văn này.

Mặc dầu đã cố gắng tập trung để viết, nhưng với kiến thức còn hạn chế và thời lượng cho phép nên vẫn không sao tránh khỏi những sai sót trong quá trình tìm hiểu, nghiên cứu và trích dẫn. Kính mong Quý Bậc Giáo Thọ Sư, Giáo sư hướng dẫn cùng các thân hữu hoan hỷ chỉ giáo.

B. NỘI DUNG

CHƯƠNG 1 KHÁI QUÁT GIÁO LÝ NHÂN QUẢ

Mọi sự vật hiện tượng trong vũ trụ đều vận hành theo một quy luật chung trong một tiến trình tất yếu là nhân quả. Quy luật nhân quả dường như đã chi phối và tác động đến mọi sinh hoạt của con người. Để hiểu rõ thêm về giáo lý nhân quả trong Phật giáo chúng ta có thể tìm hiểu qua đôi nét căn bản sau :

1.1 KHÁI QUÁT NHÂN QUẢ :

Các hiện tượng tâm lý và vật lý đều vận hành theo một quy luật chung trong sự tuần hoàn của vũ trụ. Một lần, trong phút chốc phát hiện ra một lẽ thật, Héraclite - một triết gia Hy Lạp thời cổ đại đã phát biểu : “Chúng ta không thể bước xuống hai lần nơi cùng một dòng nước”. Ông đã dùng hình ảnh dòng nước trôi chảy để nói lên một quy luật đang hằng diễn tiến trong thế giới nhân sinh và vũ trụ. Bởi lẽ, không chỉ ở cuộc đời mà ngay cả mọi sự vật hiện tượng giới luôn luôn trôi chảy, vận hành theo quy luật nhân quả. Nhìn vào cơn mưa đang đổ, ta sẽ dễ dàng bắt gặp và nhận ra một chuỗi liên kết qua lại của nhiều nhân tố khác nhau. Trong Phật Giáo gọi

những nhân tố đó là nhân duyên. Thế nhưng bản chất sâu xa bên trong vẫn không vượt ra ngoài quy luật nhân quả. Ta thấy rằng trong một chuỗi dài của tiến trình ấy thì mưa là kết quả, mây là nguyên nhân; mây là kết quả và hơi nước lại là nguyên nhân ...

Xét trên phương diện con người, ta càng thấy sự hiện diện tất yếu và rõ nét của tiến trình nhân quả. Theo Phật Giáo, con người hiện tại chính là kết quả của nhiều nguyên nhân trong quá khứ. Con người ở hiện tại tiếp tục là nguyên nhân tạo nên bản chất cho con người ở mai sau (tương lai). Xuất phát từ những quan niệm trên, trong dân gian ta quen gọi tiến trình diễn tiến ấy bằng những khái niệm rất quen thuộc như kiếp trước, kiếp sau hay còn gọi là tiền kiếp, hậu kiếp.

Tuy nhiên, tiến trình diễn tiến từ nhân đến quả không phải chỉ xảy ra một cách đơn giản như lâu nay chúng ta thường nghĩ, mà nó có những thay đổi chuyển biến hết sức phức tạp và phong phú. Như nhân thế này không phải sẽ cho quả như vậy, mà nó lại còn cho ta quả thế khác. Đó là do ảnh hưởng của nghiệp duyên tạo tác khác nhau nên có sự sai biệt trong kết quả. Ta thường gọi đó là dị thực quả. Do vậy, cơ sở hình thành nhân quả là do tác động của nghiệp. Nói đến nghiệp là nói đến cặp phạm trù thiện và ác. Một hành động có tác ý mới được gọi là nghiệp. Nếu nghiệp đơn thuần là một hành động thiếu tác ý thì gọi là nghiệp vô tình, và tất nhiên cũng sẽ đưa đến một kết quả vô tình.

Ở đây, nói đến nhân quả nghiệp báo là nói đến một tiến trình tạo tác của con người mà đưa đến một đời sống hạnh phúc hay khổ đau. Đồng thời, tùy theo tâm lý khác nhau mà tạo nên một cuộc sống an lành hay bất hạnh. Trong suốt tiến trình đó, con người chính là chủ nhân tạo tác và đóng vai trò trung tâm chủ đạo. Như trong kinh Đức Phật dạy: “Người là chủ nhân của nghiệp, là kẻ thừa tự nghiệp. Nghiệp là thai tạng, nghiệp là quyến thuộc” .

Dựa trên những khái quát trên ta có thể đi vào tìm hiểu nội dung và ý nghĩa của giáo lý nhân quả trong Đạo Phật.

1.2 ĐỊNH NGHĨA NHÂN QUẢ :

Mỗi tôn giáo, mỗi học thuyết nói chung đều có những quan niệm khác nhau về nhân quả. Ở đây ta chỉ tìm hiểu về nhân quả theo quan điểm của Đạo Phật. Theo Phật giáo, nhân là nguyên nhân, quả là kết quả. Trong thế giới tương quan của hiện tượng, mỗi sự vật hiện tượng đều có những nguyên nhân của nó. Nguyên nhân cho sự có mặt của các hiện hữu tồn tại gọi là nhân, và sự hiện hữu gọi là quả. Nếu nhân là hạt giống thì quả là mầm cây. Nếu nhân là mầm cây thì quả là sự đơm hoa kết trái . . . Mỗi hiện tượng vừa là nhân mà cũng vừa là quả. Tương quan nhân quả ấy gọi là tương quan duyên sinh và đã được Đức Phật nói đến qua giáo lý duyên khởi. Từ nhân đến quả phải trải qua một quá trình chịu sự tác động và ảnh hưởng to lớn của các yếu tố duyên theo một tiến trình tất yếu (nhân- duyên- quả). Vì vậy, đôi lúc ta thấy tuy quả cùng đẳng loại với nhân nhưng vẫn khác nhau. Đó là tùy thuộc vào sự tác động mạnh hay yếu , thuận hay nghịch của các duyên ở trung gian mà cho kết quả sớm hay muộn, thậm chí không đưa đến kết quả.

1.3 NHỮNG ĐẶC TÍNH CỦA NHÂN QUẢ :

Do tính phức tạp trong quá trình diễn tiến của luật nhân quả nên các nhà nghiên cứu Phật học tạm đưa ra một số đặc tính chung cơ bản như sau:

1.3.1 TỔNG TƯỚNG NHÂN QUẢ :

Như đã đề cập, mọi sự vật hiện tượng trong vũ trụ đều bị chi phối bởi quy luật nhân quả. Để dễ nhận biết ta có thể tìm hiểu và phân tích hành tướng của nhân quả trong các sự vật và hiện tượng, hay nói cụ thể hơn là sự tác động của nhân quả trong các loài thực vật, động vật (hữu tình, vô tình) và ngay chính nơi bản thân con người . . .

⊗ Nhân quả trong những loài vô tri, vô giác (vô tình) : nước bị lửa đốt thì nóng, bị gió thổi thì thành sóng, bị làm lạnh thì đông lại. Mưa nhiều thì sanh ra tình trạng lụt lội, nắng lâu ngày thì sanh ra hạn hán, cháy rừng, mất mùa . . .

⊗ Nhân quả trong các loài thực vật và động vật (vô tình) : hạt sấu riêng sanh ra cây sấu riêng, cây sấu riêng tất sanh ra trái sấu riêng. Gà sanh ra trứng (nhân), trứng lại nở ra gà con (quả), và khi gà con lớn lên lại tiếp tục sanh ra trứng (nhân) . . . tiến trình ấy cứ diễn ra theo một quy luật tuần hoàn (nhân quả - quả nhân).

⊗ Nhân quả nơi con người : nói đến con người là chúng ta đề cập đến hai phương diện luôn hiện hữu và tồn tại trong một con người, đó là hai yếu tố thể chất và tinh thần.

→ Về Phương Diện Thể Chất (vật chất) : tức là thân tứ đại, do tinh cha huyết mẹ và nhiều nhân tố của môi trường, hoàn cảnh nuôi dưỡng. Trong đó, cha mẹ, môi trường, hoàn cảnh là nhân (có sự tác động của duyên), người con trưởng thành là quả. Tiến trình ấy lại tiếp tục diễn ra trong những thế hệ kế tiếp.

→ Về Phương Diện Tinh Thần : tức là những tư tưởng, hành vi trong quá khứ tạo cho con người những tính cách tốt hay xấu. Tư tưởng và hành vi trong quá khứ là nhân, những tính cách tốt hay xấu là quả trong hiện tại; và tính cách tốt hay xấu trong hiện tại lại tiếp tục làm nhân cho những tính cách của con người trong tương lai. Tiến trình ấy cứ mãi diễn ra theo một quy trình tất yếu (Nhân - Duyên - Quả), chỉ khác nhau nơi tính cách, tư tưởng, hành vi trong mỗi chu kỳ mà thôi.

Nói một cách tổng quát, về phương diện tinh thần cũng như vật chất người ta gieo trồng thứ gì thì gặp thứ ấy. Trong văn hóa của người Pháp cũng có câu nói mang ý nghĩa tương tự : “Mỗi người là con đẻ của công nghiệp mình”

1.3.2. BIỆT TƯỚNG NHÂN QUẢ :

1.3.3.3 NHIỆP NHÂN :

Cơ sở của nhân quả là thân, khẩu, ý. Động lực phát sinh của nhân quả là nghiệp. Có 3 loại: phước, phi phước và bất động nghiệp.

⊗ Phước : được sanh khởi trên cơ sở ba nghiệp thanh tịnh và hướng đến thiện tâm. Như không sát sanh, không trộm cướp, không tham dục, không nói dối, không tham, không sân, không si . . .

⊗ Phi Phước : là những hành vi đi ngược với những điều trên.

⊗ Bất Động Nghiệp : là loại nghiệp được sanh khởi do các loại thiện định tương ứng với ba cõi : dục giới, sắc giới và vô sắc giới.

1.3.2.2 NGHIỆP QUẢ :

Trong giáo lý nhân quả của Phật giáo tuy có nhiều loại khác nhau, nhưng ta có thể tóm lược qua 6 loại chính : định báo, bất định báo, cộng báo, biệt báo, thể gian báo, xuất thể gian báo.

⊗ Định Báo : Là loại quả báo nhất định phải xảy ra trong một tiến trình nhân quả. Ví dụ : số phận anh A là khổ thì suốt cuộc đời ấy anh ta phải chịu cảnh khổ, hay số cô P chết vì tai nạn thì nhất định trong đời ấy cô P sẽ gặp phải tai nạn mà qua đời.

⊗ Bất Định Báo : Đây là loại nghiệp báo có thể chuyển đổi được thông qua các duyên tố trong hiện tại. Ví dụ, có một người kiếp trước tạo nhân rất tốt nhưng trong giờ phút cận tử nghiệp, bởi nhiều yếu tố, điều kiện của môi trường, hoàn cảnh bên ngoài tác động làm họ sanh khởi tâm phiền não nên người ấy liền đọa vào cảnh giới khổ đau. Ngược lại có người kiếp trước ít tạo nhân lành, đời này sanh ra kém phước, nhưng do hiểu biết về nhân quả, tội phước nên hết lòng tạo tác thiện nhân bằng nhiều hình thức khác nhau. Nhờ vậy mà nghiệp chướng tiêu trừ, thiện căn tăng trưởng. Trong thực tế, ta thấy phần lớn chúng sanh rơi vào đặc tính nhân quả này.

⊗ Cộng Báo (quả báo chung): Là loại quả báo mà trong đó nhiều cá nhân cùng tạo chung một nghiệp và rồi cùng chiêu cảm cùng một loại quả báo như nhau. Một ví dụ thiết thực nhất với chúng ta ngày nay là hiện tượng trái đất đang ngày càng nóng lên. Do chính con người cùng gây nên những nguyên nhân bất cập nên phải cùng chiêu cảm những hậu quả chung là hiện tượng nóng bức, hạn hán, mất mùa, đói khổ...

⊗ Biệt Báo (quả báo riêng): Là quả báo riêng trong mỗi cá nhân mà không ảnh hưởng đến cá nhân khác. Như cùng là con người nhưng có người giàu sang, thông minh, hảo tướng, và cũng lại có người bần cùng, nghèo khổ, xấu xí, bệnh tật... Hay trên cùng một chuyến xe gặp tai nạn, vậy mà có người bị chết, có người bị thương, và lại cũng có người không hề bị chút thương tổn gì. Tất cả những hiện tượng trên đều do nghiệp nhân tạo tác khác nhau của mỗi người trong quá khứ nên có sự thọ nhận quả báo cũng khác nhau ở kiếp sống hiện tại. Ta gọi những hiện tượng đó là biệt báo.

⊗ Thể Gian Báo: Là những loại quả báo khổ vui trong ba cõi như phiền não, khổ đau, sân si, hờn giận... cho nên những loại quả báo này chỉ xảy ra đối với những chúng sanh còn sanh tử luân hồi trong ba cõi sáu đường, nó thuộc về quả báo hữu lậu

⊗ Xuất Thể Gian Báo: Đây là quả báo vô lậu, để nói đến quả báo của tứ Thánh: Thanh Văn, Duyên Giác, Bồ Tát và Phật. Do đoạn trừ được ba hạ phần kiết sử chứng quả Tu Đà Hoàn; đoạn trừ hoàn toàn năm hạ phần kiết sử chứng quả A Na Hàm; đoạn trừ hoàn toàn năm thượng phần kiết sử chứng quả A La Hán. Ngũ lý duyên khởi, vô thường, khổ, không, vô ngã chứng quả Duyên Giác hoặc Bích Chi; đoạn trừ hoàn toàn ngã chấp chứng quả Bồ Tát; đoạn trừ hoàn toàn vi tế vô minh thành tựu quả vị Phật.

1.4 PHÂN LOẠI NHÂN QUẢ:

Thông thường, khi một quả hình thành, nó cần có sự kết tinh của nhiều nguyên nhân chính và các nhân duyên phụ. Chính vì những yếu tố khác nhau về thời gian, không gian, tâm lý, vật lý. . . nên các nhà nghiên cứu phật học đã phân loại nhân quả theo một trình tự như sau :

1.4.1 PHÂN LOẠI THEO THỜI GIAN :

Do tiến trình diễn tiến của nhân quả xảy ra không đồng nhất trong một khoảng thời gian nhất định, nên người ta có sự phân loại tính chất của nhân quả theo thời gian như sau :

1.4.1.1 Nhân Quả Đồng Thời :

Là loại nhân quả mà thời gian từ nhân đến quả xảy ra rất nhanh. Như ăn thì liền no, uống nước vào liền hết khát, sân hận vừa khởi lên thì phiền não liền xuất hiện, hay chiếc dùi vừa đánh vào trống thì tiếng trống liền phát ra . . .

1.4.1.2 Nhân Quả Khác Thời :

Là loại nhân quả mà quá trình diễn ra từ nhân đến quả phải có một khoảng thời gian nhanh hay chậm khác nhau. Khoảng thời gian ấy được chia thành 3 loại như sau :

⊗ Hiện Báo : Nghĩa là nghiệp nhân trong đời này đưa đến quả báo ngay trong đời này.

⊗ Sanh Báo : Nghĩa là tạo nhân ở đời này nhưng đến đời sau mới nhận quả.

⊗ Hậu Báo : nghĩa là tạo nhân trong đời này nhưng đến nhiều đời sau mới thọ quả báo.

Ba khoảng thời gian của tiến trình nhân quả trên tương đối ổn định nên chúng ta gọi đó là định nghiệp. Tuy nhiên, có những trường hợp do sự ảnh hưởng và tác động của những nhân tố trung gian khác nhau nên ta khó có thể xác định được thời gian và chủng loại. Những trường hợp này được gọi là bất định nghiệp.

1.4.2 PHÂN LOẠI THEO VẬT LÝ VÀ TÂM LÝ, NỘI TÂM VÀ NGOẠI GIỚI :

Sở dĩ có cách phân loại này là do có sự ảnh hưởng, tác động của các yếu tố tâm lý, vật lý trong tiến trình diễn tiến của nhân quả. Cách phân loại này nhằm chỉ đến sự biểu hiện của nghiệp quả thông qua thái độ tâm lý tiếp thọ nghiệp. Đồng thời nó còn cho ta biết rõ hơn khoảng cách khác nhau của nghiệp quả giữa tâm lý và vật lý, giữa nội tâm và ngoại giới.

1.4.2.1 Tâm Lý và Vật Lý :

Trên cùng một con người, thể nhưng những biểu hiện nhân quả tâm lý và vật lý của người ấy lại khác nhau. Như một người có thân (vật lý) xấu xí, tật nguyên, thô kệch . . . nhưng tâm (tâm lý) thì lại hiền từ nhân hậu và rất thông minh, sáng suốt. Ngược lại cũng có những người tuy vẻ bên ngoài đẹp trai, khỏe mạnh nhưng tâm hồn thì lại xấu xa ích kỷ. Tuy vậy, cũng có những trường hợp đặc biệt ngoại lệ, như có người đầy đủ phước báu vẹn toàn cả hai mặt, hoặc cũng có những trường hợp ngược lại.

1.4.2.2 Nội Tâm và Ngoại Giới :

Những trường hợp mà quá trình nhân quả diễn ra bên trong tâm lý của con người được gọi là nhân quả nội tâm (bên trong), và quá trình nhân quả diễn ra bên ngoài thì được gọi là nhân quả ngoại giới (bên ngoài). Ví dụ : có người tuy thân bị giam cầm trong chốn tù lao nhưng tâm vị ấy luôn trú trong an định, giải thoát. Điều đó cho ta thấy rằng nghiệp quả chỉ biểu hiện ở thân chứ không biểu hiện nơi tâm.

Qua các phần trình bày trên, người viết không có chủ đích trình bày tất cả những khía cạnh của giáo lý nhân quả một cách chi tiết. Bởi lẽ, chúng ta thấy rằng con đường đi của tiến trình nhân quả diễn ra hết sức phức tạp. Ngay chính Đức Phật của chúng ta đã từng nhấn mạnh: “Có bốn phạm trù không thể tư duy: Phật giới, thế giới tâm, thiên định của người tu, và quả dị thực của nghiệp” . Đó là bốn phạm trù thật khó có thể tư duy và diễn đạt bằng ngôn từ lý luận. Vì vậy, chúng ta không thể giải quyết rốt ráo và rõ ràng mọi vấn đề của nhân quả. Chúng ta lại càng không thể đưa ra một công thức nhất định nào về nó.

Tuy nhiên, với một thời lượng nhất định, người viết chỉ có thể đưa ra một cách tổng quát chung và cơ bản nhất của giáo lý nhân quả mà chúng ta thường gặp phải. Qua đó ta thấu hiểu định lý nhân quả một cách rõ ràng, sáng tỏ, nhất là nhận thức được rằng nghiệp nhân không phải là cái gì đó khó hiểu. Chúng ta lại càng định tĩnh trước những quan niệm về một đấng thượng đế tối cao nào đó đang điều hành chi phối cuộc sống của con người như lâu nay chúng ta hằng lầm tưởng. Nó phủ nhận cái quan điểm về một học thuyết chủ trương “Vạn vật do một vị thần sáng tạo và có quyền năng thưởng phạt muôn loài”. Người hiểu rõ luật nhân quả sẽ không đặt niềm tin của mình vào một nơi chốn mơ hồ, huyền ảo, không cầu xin một cách vô ích, không ý lại thần quyền, không hoang mang lo sợ.

Luật nhân quả cho ta thấy được thực trạng của sự vật không có gì là mơ hồ, bí hiểm. Giáo lý nhân quả dạy cho ta những bài học đúng đắn nhất, thiết thực nhất để tự mỗi cá nhân xây dựng và hoàn thiện cho mình một đời sống an lành hạnh phúc.

CHƯƠNG 2

ẢNH HƯỞNG CỦA GIÁO LÝ NHÂN QUẢ TRONG ĐỜI SỐNG VĂN HÓA DÂN TỘC

Như trên đã nói, Đạo Phật đã đến với Việt Nam vào những ngày đầu của thế kỷ thứ II Tây lịch. Do vậy, những tư tưởng, triết lý Phật giáo đã có những ảnh hưởng hết sức to lớn đến đời sống văn hóa dân tộc Việt Nam. Giáo lý nhân quả của Đạo Phật đã có những ảnh hưởng rất sâu đậm vào đất nước và con người Việt Nam trên nhiều phương diện khác nhau. Giáo lý ấy đương nhiên đã trở thành nếp sống tín ngưỡng hết sức sáng tỏ đối với mọi người Việt Nam có hiểu biết có suy nghĩ. Mọi người dù là những tín đồ Phật giáo hay đơn thuần chỉ là những người ngoài cuộc, nhưng khi nói đến nhân quả dường như tất cả đều tin tưởng và chấp nhận. Điều đó đã được thể hiện rõ nét qua cách sống, qua hành vi cư xử của mọi người dân Việt. Người ta biết lựa chọn cho mình cách sống ăn ở ngay lành. Dù tối thiểu thì đó cũng là kết quả tự nhiên âm thầm của lý nhân quả. Không một nhà trí thức, nho sĩ nào, ngay cả ngày nay từ mọi tầng lớp bình dân cho đến trí

thức không ai lại không biết qua ít nhiều về giáo lý nhân quả. Nó đã in sâu và đậm nét trong tâm khảm của mỗi con người dân tộc Việt nam.

Từ ngàn xưa cho đến nay, giáo lý nhân quả đã có những ảnh hưởng rất sâu sắc và rộng lớn trong đời sống sinh hoạt của xã hội, trong văn chương bình dân, trong thi ca văn học, trong ngôn từ giao tiếp... Nó đã dẫn dắt bao thế hệ con người biết soi sáng tâm trí mình vào lý nhân quả mà hành động sao cho tốt đẹp trong một cộng đồng xã hội. Do vậy tư tưởng triết lý nhân quả của Đạo Phật đã ảnh hưởng và tác động mạnh mẽ trên một bề rộng qua nhiều khía cạnh khác nhau trong xã hội.

2.1 ẢNH HƯỞNG TRONG KHO TÀNG VĂN HỌC DÂN GIAN VIỆT NAM :

Văn học là sự kết tinh của bao cái hay cái đẹp trong cuộc sống. Nó hướng con người ta đến một đời sống lạc quan tốt đẹp. Văn học là nơi gặp gỡ của bao thế hệ nhà văn nhà thơ để cùng nhau thổi vào trong cuộc sống những làn hơi ấm áp nên thơ thông qua ngòi bút tuyệt tác của mình. Họ là những con người đã từng trải qua kinh nghiệm sống, nhận ra được cái lẽ vốn dĩ xưa nay của cuộc đời cứ luân lưu biến chuyển trong thế giới nhân sinh và vũ trụ. Qua văn học, người ta có thể phản ánh được cuộc sống một cách chân thật. Triết lý nhân quả của Đạo Phật phải chăng đã hòa cùng cuộc sống, nhằm trả lời và giải quyết rốt ráo mọi vấn đề nan giải trong xã hội. Do vậy triết lý nhân quả đã ảnh hưởng sâu đậm vào nền văn học Việt Nam không chỉ trong một phạm vi nhỏ hẹp mà hết sức đa dạng và phong phú ở nhiều thể loại khác nhau.

2.1.1 TRONG CA DAO TỤC NGỮ ạ:

Ca dao, tục ngữ chính là sự đúc kết những kinh nghiệm thiết thực trong cuộc sống. Nó chuyển tải một cách trung thực mọi sự vật, hiện tượng trong xã hội từ thế hệ này sang thế hệ khác. Để nói đến tính nhân quả trực tiếp hiện tiền, trong văn học dân gian có rất nhiều câu ca dao tục ngữ nói lên điều đó :

“Nhân nào quả ấy”

“Không có mây sao có mưa”

“Không có bột sao gột nên hồ”

Hay :

“Đất Bụt mà ném chim trời,

Chim trời bay mất bụi rơi vào đầu”

Những câu nói ấy tuy ngắn gọn nhưng ý nghĩa và nội dung mang tính giáo dục rất cao. Nói “nhân nào quả ấy” hàm chứa một lời răn đe khuyên dạy con người sống ở đời phải biết lấy cái thiện làm chất liệu để xây dựng và hoàn thiện cho mình một đời sống hướng thiện. Nếu ta gieo nhân lành ắt được quả lành, bằng ngược lại ta gieo nhân xấu, bất thiện tất phải nhận lấy kết quả bất hạnh khổ đau. Để mô tả và bộc lộ tính chất trên, trong ca dao tục ngữ lại có câu:

“Gieo gió gặp bão”

Hay : “Nhân nào quả ấy mảy máy không sai”

“Ở hậu gặp hậu, ở bạc gặp bạc”

Tất cả những ý chỉ ấy tuy không hoàn toàn chuyển tải nội dung của lẽ sống một cách chính xác nhất nhưng nó đã phản ánh một khía cạnh, một đặc tính nào đó của quy luật nhân quả tác động đến cuộc sống của con người.

Nhân quả nói đến báo ứng, thưởng phạt một cách tích cực, trong ca dao tục ngữ dân gian cũng góp phần phản ứng sâu sắc như :

“Ai mà phụ nghĩa quên ơn,

Thì đeo trăm cánh hoa hồng chẳng thơm.”

Hay : “Đạo trời báo phúc chẳng lâu,

Thế là thiện ác đáo đầu chẳng sai”

“Trồng cây chua ăn quả chua

Trồng cây ngọt ăn quả ngọt

Trúng rỗng lại nở ra rỗng

Liu điu lại nở ra dòng liu điu”

Ở đây, cây chua là chỉ cho nghiệp nhân bất thiện nên phải chiêu cảm nghiệp quả cũng bất thiện (quả chua). Cây ngọt là chỉ cho nghiệp nhân lành nên thọ nhận nghiệp quả cũng lành (quả ngọt). Điều đó đã nói lên đặc tính nhân nào quả nấy. Tuy nhiên, trong cuộc sống đời thường lắm khi ta chứng kiến bao cảnh trái ý nghịch lòng. Trước những hoàn cảnh ấy, nếu xét trên góc độ của thế gian ta sẽ vội vàng kết luận và cho rằng cuộc đời sao bất công vô lý.

Có lần trong buổi thuyết giảng tại một Đạo Tràng Niệm Phật, một vị Phật tử trẻ trao cho vị giảng sư một tờ giấy học sinh. Trong đó đặt ra rất nhiều câu hỏi nghi vấn mà lâu nay em ấp ủ muốn hỏi. Tựu trung phần lớn các câu hỏi đều xoay quanh nỗi bức xúc về các vấn đề nhân quả. người viết xin được trích dẫn một câu hỏi tiêu biểu với nội dung như sau : “Bạch thầy ! xưa nay cái gì không thấy thì con không tin, cái gì thấy được con chỉ mới tin một nửa. Vậy mà trải qua hai mươi mấy năm sống ở đời, con đã chứng kiến biết bao người suốt đời làm những việc thiện , họ sống một cuộc sống hết sức nhân từ phúc hậu. vậy mà họ luôn phải đối mặt với biết bao hoàn

cảnh éo le bất hạnh. Ngược lại, con thấy có người luôn làm những điều bất chánh, tâm thì xấu xa ích kỷ, vậy mà đời sống của họ lại luôn được sung túc đầy đủ. Như vậy, liệu rằng cái gọi là nhân quả trong Đạo Phật có công bằng không? Hay đó chỉ là một lý thuyết không thực tế nhằm để ru ngủ con người ???”

Qua câu hỏi trên, ta phần nào thông cảm nỗi bức xúc của vị phật tử trẻ này là chính đáng. Do chưa thấu hiểu những đặc tính chi tiết, rốt ráo về nhân quả, nên đã đưa ra những câu hỏi như vậy. Người viết thiết nghĩ Không chỉ vị phật tử trẻ này mà ngay trong xã hội ngày nay phần lớn chúng ta đều có những suy nghĩ như trên. Không chỉ ngày nay, mà đã bao thế hệ cha ông ta trước đây cũng đã ít nhiều thấy biết điều đó. Nên đã đúc kết qua câu tục ngữ :

“Ăn trộm ăn cướp thành phật thành tiên,

Đi chùa đi chiền bán thân bất toại”

Ý nghĩa của câu ca dao trên nhằm phản ánh một khía cạnh nào đó trong xã hội. Ăn trộm, ăn cướp được xem là những hành động xấu xa bất thiện vậy mà lại gặp được kết quả vô cùng nghịch lý là thành Phật thành tiên. Đi chùa đi chiền là một việc làm hết sức thánh thiện nhưng lại gặp phải kết cục bi thảm là bán thân bất toại. Tuy nhiên, một khi thấu triệt được các đặc tính của lý nhân quả, chúng ta dễ dàng nhận thấy những vấn đề trên sẽ được giải quyết một cách hợp lý và sáng tỏ.

Ca dao tục ngữ Việt nam còn chuyên chở những nội dung triết lý sâu sắc trong cuộc sống. Có nhân quả nên có luân hồi, nhân quả luân hồi là một quy luật tất yếu trong nhân sanh và vũ trụ. Cho nên, sức thu hút của ca dao tục ngữ dân gian chính bởi sự kết tinh từ những sự kiện có thật trong cuộc sống . Từ đó nó tác động đến tâm lý, suy nghĩ của con người. Quy luật nhân quả luân hồi còn là bài học giáo dục có giá trị sâu sắc cho đời, không chỉ trong một thế hệ mà trải qua nhiều thế hệ tiếp nối. Nói theo ngôn từ của Đạo Phật thì đó là quá trình tiếp nối của kiếp trước và kiếp sau trong ba khoảng chu kỳ của thời gian Quá khứ - Hiện Tại -Vị Lai. Ngôn từ ấy đã được đúc kết qua ca dao tục ngữ :

“Anh ơi ! hãy ở cho lành

Kiếp này chẳng gặp để dành kiếp kiếp sau”

Hay :

“Bồi chung kiếp trước vụng tu,

Kiếp này tu để đền bù kiếp sau.

Cây khô tưới nước cũng khô,

Kiếp nghèo đi đến nơi mô cũng nghèo.

Kiếp này trả nợ cho xong,

Làm chi để nợ một chồng kiếp sau.”

Hơn thế nữa, theo quan niệm xưa nay, Tổ tiên ta rất tôn trọng những con người quá cố. Trên quan niệm ấy mà giáo lý nhân quả, nghiệp báo, luân hồi của Đạo Phật lại càng dễ dàng được mọi người tin nhận. Người Việt nam tin rằng sau khi chết tuy thân này tan rã nhưng phần hồn, anh linh của người ấy vẫn còn đó. Qua những ngày giỗ kỵ hoặc tế lễ trong mỗi gia đình người Việt Nam, nhất là trên những vùng đất thôn quê làng xã, chúng ta mới thấy rõ niềm tin của người dân Việt Nam đối với những người quá cố như thế nào. Nó chứa đựng một ý nghĩa hết sức thiêng liêng trong đời sống sinh hoạt tâm linh của xã hội. Do lòng kính ngưỡng, tôn trọng và tin tưởng rằng chết không phải là hết, người Việt nam đã hòa đồng và tiếp nhận triết lý nhân quả của Phật Giáo như một lẽ tất yếu. Họ đặt niềm tin và hy vọng về một kiếp sống tràn đầy hạnh phúc ở kiếp lai sanh. Họ đã ý thức được rằng kiếp này gieo trồng nhân lành thì kiếp sau ắt sẽ được an vui hạnh phúc. Bằng ngược lại, nếu kiếp này gây tạo những nghiệp nhân ác thì đời sau sẽ lãnh thọ những nghiệp quả khổ đau và bất hạnh. Ý thức được điều đó, người bình dân Việt Nam đã không quên khuyên răn, nhắc nhở mọi người hướng thiện thông qua hình thức truyền khẩu bằng những câu ca dao, tục ngữ như :

“Thôi thì đừng có ưu phiền

Kiếp này không gặp để nguyên kiếp sau”

Hay :

“Đây anh không giận đó em cũng chớ hờn

Kiếp tái sanh ta sẽ nói phiếm đàn tri âm”

“Những người đức hạnh hiền hòa,

Đi đâu cũng được người ta tôn sùng.

Những người hiếu để trung trinh,

Vẽ vang tiên tổ thơm danh họ hàng.

Những người truyền đạo khai nhân,

Nghìn thu để tiếng muôn phần thơm lây.”

Một triết lý nhân sinh thật hay và tế nhị, nó đã phản ánh cuộc sống không có gì là mâu thuẫn mơ hồ. Càng đi sâu vào tìm hiểu kho tàng ca dao, tục ngữ dân gian Việt Nam chúng ta càng bắt gặp và khám phá thêm biết bao điều mới lạ. Với những câu nói tuy bình dị đời thường nhưng nội dung bên trong lại chứa đựng những triết lý, những bài học giáo dục làm người thật sâu sắc dưới ảnh hưởng của giáo lý nhân quả. Chỉ chừng đó thôi, ta thật tự hào thấy rằng giáo lý của Đạo Phật đã thật sự ăn sâu và thấm nhuần vào tận gốc rễ đời sống sinh hoạt của xã hội thông qua những câu ca dao tục ngữ dân gian Việt Nam.

Không chỉ dừng lại ở đó, giáo lý nhân quả của Đạo Phật còn được phản ánh sâu sắc trong các thể loại văn chương bác học, văn chương bình dân cho đến văn thơ viết bằng thể loại Hán Nôm dưới những ngòi bút sáng tác điêu luyện.

2.1.2 TRONG THƠ VĂN CHỮ HÁN NÔM :

Thơ văn Việt Nam chịu ảnh hưởng rất nhiều từ triết lý nhân quả của Phật giáo. Kết hợp từ những quan niệm bình dân cùng tín ngưỡng của dân tộc, các nhà văn, nhà thơ đã khéo léo trao chuốt nên những tác phẩm thơ ca bất hủ. Nét đặc biệt ở đây không phải là cao siêu mầu nhiệm, mà những câu cú trong những tác phẩm thơ văn được viết bằng thể loại chữ Hán Nôm, một thể loại thuần túy Việt. Tuy ở thể loại văn Nôm nhưng được sắp xếp trình bày ở một góc độ nghệ thuật rất cao, bằng những vần điệu lục bát tràn thiên nhịp nhàng trầm bổng. Những khi đồng áng rảnh rang hoặc trong những lễ hội dân gian truyền thống, người bình dân Việt Nam thường lấy đó để ngâm nga đối đáp như một thú vui chơi tiêu khiển không thể thiếu trong đời sống tinh thần người Việt.

Văn thơ Hán Nôm đã phản ánh và dường như chịu sự tác động, ảnh hưởng từ triết lý nhân quả của Đạo Phật thông qua những tác phẩm có giá trị để đời như : tác phẩm Quan Âm Diệu Thiện, Quan Âm Thị Kính được viết dưới cả hai thể loại văn và thơ, tác phẩm Cung Oán Ngâm khúc của Ôn Như Hầu, và đặc biệt tác phẩm Kiều của Nguyễn Du...

Dẫu chưa hẳn xuất thân trong môi trường Phật giáo, nhưng ý tứ trong văn thơ của các tác giả đã thấm nhuần và mang đậm tư tưởng triết lý của Phật giáo. Trong đó triết lý nhân quả đã chiếm lĩnh một vị trí rất lớn. Chúng ta cũng biết truyện Kiều của Nguyễn Du đã sớm trở thành tác phẩm gối đầu của người dân Việt Nam. Tính triết lý nhân quả đã được Nguyễn Du thổi vào trong thơ của mình. Một triết lý đề cao trách nhiệm của mỗi người về mọi hành động ngay trong đời sống hiện tại và tương lai. Theo Đạo Phật, con người chịu hoàn toàn trách nhiệm về mọi hành động tốt hay xấu mà mình đã tạo tác. Lại càng không phải do một đấng tạo hóa hay một quyền năng vô hình nào thưởng phạt, an bài.

Qua triết lý nhân quả nghiệp báo của Đạo Phật, Nguyễn Du đã lấy đó để làm câu kết cho tác phẩm của mình như một sự khẳng định, đề cao trách nhiệm con người.

“Đã mang lấy nghiệp vào thân,

Cũng đừng trách lẫn trời gần trời xa.

Thiện căn ở tại lòng ta,

Chữ tâm kia mới bằng ba chữ tài.”

Trong tác phẩm truyện Kiều, Nguyễn Du đã sử dụng tư tưởng triết lý nhân quả để mô tả và nói đến số phận của nàng Kiều. Nhưng tính nhân quả của ông đã không lột tả một cách sâu sắc và trọn vẹn, cũng như chưa phản ánh được hết những tính chất quan trọng của triết lý nhân quả. Dường như tính nhân quả trong tác phẩm của ông còn ảnh hưởng một phần triết lý thiên mệnh và số mệnh của tư tưởng triết học nho gia. Số mệnh của nàng Kiều là do thượng đế, mà tiêu biểu ở đây là do ông trời đã xấp đặt.

“Su rằng: “nhân quả với nàng”,

Lâm truy buổi trước tiên đường buổi sau”.

Hay : “Khôn thiên muôn sự tại tại trời,

Trời kia đã bắt làm người có thân.

Bất phong trần phải phong trần,

Cho thanh cao mới được phần thanh cao”.

Nhưng triết lý nhân quả Đạo Phật không chủ trương “Nghiệp quyết định luận” mà bằng hành động hiện tại con người ta vẫn có thể làm thay đổi cái nghiệp bất thiện trong quá khứ. Cho nên thông qua nhân vật nhà sư Tam Hợp, Nguyễn Du đã nói:

“Su rằng song chẳng hề chi,

Nghiệp duyên cân lại nhắc đi còn nhiều.

.....

Hại một người, cứu một người,

Biết đường khinh trọng, biết lời phải chẳng.

Thừa công đức ấy ai bằng,

Túc khiên đã rửa, láng láng sạch rồi”.

Thuyết nhân quả nghiệp báo của Đạo Phật không chỉ được phản ánh qua tác phẩm Truyện Kiều Của Nguyễn Du mà nó còn được phản ánh sâu sắc qua truyện Quan Âm Thị Kính, một tác phẩm hết sức gần gũi và quen thuộc đối với người dân Việt nam được viết dưới thể loại thơ Nôm. Nhân vật Tiểu Kính Tâm đã thể hiện trọn vẹn những đức tính cao quý tốt đẹp nhất trong xã hội đương thời. Tuy bị Thị Mâu vu oan, làng nước phỉ nhổ, bao tiếng thị phi nhưng Kính Tâm vẫn một mình kiên nhẫn chịu đựng . phải chăng tác giả đã đưa vào nhân vật của mình những cái hay cái đẹp như thể một gương mẫu điển hình cho xã hội.

Nhằm ca ngợi đức tính nhẫn nhục, kiên trì, hy sinh và nhất là tấm lòng từ bi của nhân vật. Qua lời đối đáp giữa hai thầy trò, nhân vật Kính Tâm phần nào hiểu rõ tính công bằng, bình đẳng ở đời “Làm lành gặp lành”. Do vậy, Kính Tâm đã không ngần ngại những tiếng thị phi, dèm pha qua lại mà hành động cứu lấy mạng người.

“Bạch rằng muôn đội thầy thương,

Xưa nay thầy dạy muôn đường nhỏ to.

Dầu xây chín cấp phù đồ,

Sao bằng làm phúc cứu cho một người.

Vậy nên con phải vâng lời,

Mạng người không lấy làm chơi mà liều” .

Gần đây nhất, vào khoảng thế kỷ thứ 18 thời vua Lê chúa Trịnh, sự ra đời của tác phẩm “Nam Hải Quan Âm Sự Tích Ca”, một tác phẩm được diễn Nôm theo thể lục bát giới thiệu về sự tích Phật Bà chùa Hương. Tác phẩm đã phản ánh tâm tư, nguyện vọng của dân tộc Việt nam dưới ảnh hưởng của triết lý nhân quả. Nhân vật vua Trang Vương với bản tính tham lam, sân hận, tàn bạo và độc ác nên đã phạm phải biết bao tội ác trong những tháng ngày trị vì đất nước. vua đã sai người đốt chùa, giết sư, giết hại những con người vô tội. Do những hành động bạo ngược ấy nên trong kiếp hiện tại vua Trang Vương phải gặp phải quả báo mắc bệnh hiểm nghèo

“Phán rằng: “số thọ còn chầy,

Giáng cho bệnh nặng thuốc gì chẳng yên”.

Ôn hoàng vâng lệnh xuống liền,

Bao nhiêu khí độc vào đền Trang Vương.

Vua Trang phát bệnh lạ thường,

Thân hình chốc lờ chiếu giường tanh hôi”.

Ngoài tính chất “Ác giả ác báo”, Nam Hải Quan Âm Sự Tích còn mô tả về cảnh giới địa ngục A tỳ. Theo quan niệm của người bình dân Việt nam, những ai trong lúc sanh tiền luôn làm những điều bất chánh, bất nghĩa, gian tà, độc ác ... thì sau khi chết họ sẽ bị giam cầm và trừng phạt dưới địa ngục A tỳ. Dầu thật chất trong thâm tâm những người bình dân Việt nam không hề hiểu rõ thế nào là A tỳ và cũng chưa một lần đọc đến kinh điển của nhà Phật, nhưng họ cũng thâm hiểu A tỳ là một nơi hết sức tù túng và khổ đau. Ở đây, Nam Hải Quan Âm Sự Tích đưa ra hình ảnh cảnh giới địa ngục A tỳ, nơi trừng phạt những tội nhân, mà tiêu biểu là những quan thần hại dân hại nước.

“Lại xem một ngục A ty,ạ
Mấy tầng chông sắt đen sì tối tăm.
Ngục này thực tội đã thêm,
Biết mấy hình nặng dưới âm mà rặng !
Là người làm hại quân thân,
Làm hại thiên hạ muôn dân lăm người”.

Thấy được quả báo như vậy ắt con người sẽ trừng bước trước những tội ác mà mình đã và đang gây nên. Truyện Phật Bà chùa Hương như một lời cảnh tỉnh nhẹ nhàng mà sâu sắc. Triết lý nhân quả của Đạo Phật không phải là một tín điều cực đoan khiến con người sợ hãi, mà nó như một lời nhắc nhở khuyến cáo nhằm hướng con người đến một đời sống an hòa hạnh phúc. Nam Hải Quan Âm Sự Tích cũng đã phản ánh được tính chất tích cực ấy qua các câu :

“Dám khuyên bệ hạ từ rày,
Ở lòng nhân đức, cho hay lấy mình.
Các quan văn võ triều đình,
Giúp vua lo nước cho thành chữ trung”.

Thấy được điều sai điều quấy mà ăn năn hối cải là một hành động luôn được mọi người ca ngợi và trân trọng. Bởi lẽ ở đời không ai là hoàn thiện “Nhân vô thập toàn”, nhưng biết nhận ra để khắc phục và sửa chữa vẫn là nhân tố quan trọng nhất trong cuộc sống. Nét đặc sắc trong Giáo lý của Đạo Phật không phải là rầy la hay trừng phạt mà luôn mở ra cho con người một hướng đi, một cơ hội để tự khắc phục và hoàn thiện nhân cách cho chính mình. Ảnh hưởng được tinh thần ấy, người dân Việt nam đã đúc kết cho mình một quan niệm sống hết sức nhân từ và độ lượng qua câu nói “Đánh người chạy đi chứ không ai đánh người quay lại”. Hành động quay lại để chỉ cho những con người biết phục thiện. Hành động ấy dĩ nhiên sẽ được xã hội đón nhận và trân trọng Nhất là trong một nền văn hóa truyền thống đạo đức của dân tộc Việt nam thì hành động đó lại càng được nâng cao và khuyến khích.

Ngoài những tác phẩm văn thơ được viết bằng chữ Hán Nôm có giá trị, triết lý nhân quả của Đạo Phật còn được phản ánh sâu sắc trong các truyện kể dân gian cổ tích Việt nam.

2.1.3 TRONG KHO TÀNG TRUYỆN KỂ DÂN GIAN VÀ CỔ TÍCH:

Mục đích ra đời của Đạo Phật là hướng con người đến một đời sống hiền hòa lương thiện, lấy chất liệu của tình thương làm lẽ sống. Giáo lý của Đạo Phật nhằm vào một mục đích duy nhất là khuyên răn con người ta xa lìa các điều ác, thực hành các việc thiện. Trải qua 49 năm thuyết pháp độ sanh, đức Thế Tôn đã vận dụng vô lượng pháp môn, vô lượng phương tiện để giáo hóa chúng sanh không ngoài mục đích đó. Giáo lý của Đạo Phật không mang tính cao siêu hay xa rời thực tế, lại càng không mong cầu hướng dẫn chúng sanh đạt thành chánh quả. Tính thiết thực và gần gũi của Giáo lý Đạo Phật giúp con người nhận rõ chân tướng của những suy nghĩ, những hành động thiện hay bất thiện, từ đó có thái độ nhận thức đúng đắn về cuộc sống đang diễn ra quanh mình. Tinh thần cốt lõi của giáo lý Đạo Phật đã được thu lược qua bài kệ :

“không làm các việc ác

Chỉ làm các việc lành

Giữ tâm ý trong sạch

Là lời chư Phật dạy”

Trong kho tàng truyện kể dân gian cổ tích Việt nam ta thấy hầu như phần lớn nội dung các cốt truyện đều mang tính chất chung ấy. Nó có tác dụng răn ác khuyến thiện. Nội dung chủ đạo của các cốt truyện chỉ rõ cho con người thấy được quy luật tất yếu trong cuộc sống “Ăn hiền gặp lành” hay “Gieo gió gặt bão”. Hình thức và nội dung cốt truyện lại vô cùng hấp dẫn, dễ hiểu và phong phú. Do vậy, nó đã được mọi tầng lớp, mọi lứa tuổi của nhiều thế hệ khác nhau đón nhận một cách dễ dàng. Nhất là với độ tuổi ngây thơ, hồn nhiên, trong sáng của tuổi thơ thì các câu chuyện dân gian cổ tích là món ăn tinh thần không thể thiếu trong cuộc sống của các em. Tình cờ một ngày nào đó, thành thoi dạo bước dưới những lũy tre làng xanh mát, ta sẽ dễ dàng bắt gặp những hình ảnh thật dễ thương và đáng nhớ. Có thể là bên một dòng sông xanh hiền hòa yên ả, có thể là chiếc võng tre đung đưa trước hiên nhà đón gió, hình ảnh của những trẻ thơ vừa nhỏ tóc sâu vừa nghe ông bà kể chuyện. Những câu chuyện đời xưa đời xưa ấy lại là những bài học đạo đức vô cùng hữu ích và thiết thực. Nó đã thấm thấu và ăn sâu vào trong tâm hồn trẻ thơ của các em tự bao giờ. Những nếp ảnh hưởng ấy sẽ mãi mãi đồng hành theo em suốt cuộc đời. Tinh triết lý nhân quả được cụ thể hóa qua những mẫu truyện như : Tấm Cám, Thạch Sanh Lý Thông, Ăn khế trả vàng, Hết ăn Giun . . .

Trong truyện Tấm Cám, Tấm là một cô gái hiền lành, thật thà, chất phác và lại còn rất xinh đẹp. Cha mất sớm, Tấm phải sống với người dì ghẻ độc ác. Hàng ngày Tấm phải làm lụng vất vả đầu tắt mặt tối không chút ngơi nghỉ. Đã vậy, Tấm lại còn luôn bị hành hạ đánh đập bởi những trận đòn roi tàn nhẫn của người dì ghẻ. Không vì thế mà tỏ ra hờn giận trách móc, Tấm luôn luôn thể hiện sự hiếu kính với dì và vâng lời thương em. Ngược lại, Cám là người em cùng cha khác mẹ, nhưng tánh tình thì xấu xa ích kỷ. Với bản chất ghen tỵ, Cám luôn bày mưu tính kế để hãm hại chị mình. Thế rồi cái gì đến cũng sẽ đến “Ở hiền thì gặp lành, gieo gió thì gặt bão”. Số

phận của Tấm cuối cùng rồi được đền bù xứng đáng. Tấm được một vị hoàng tử khôi ngô, tuấn tú chọn làm vợ, họ sống một cuộc sống thật hạnh phúc bên nhau trong cung vàng điện ngọc. Còn nhân vật Cám và người dì ghẻ độc ác phải chịu một kết cục bi thảm, khổ đau trong những ngày còn lại.

Tương tự, truyện “Hét ăn Giun” trong “Truyện Cổ Tích Việt Nam” của Nguyễn Văn Ngọc cũng thấm nhuần tinh thần triết lý Phật Giáo. Nội dung truyện mang ý nghĩa giáo dục răn dạy con người hướng thiện. Truyện kể rằng :

“Xưa có một người tên Giun làm nghề canh lúa. Một hôm có cha thằng Hét đến trộm lúa bị Giun đánh chết. Hét nguyện báo thù cho cha. Một hôm Hét bắt gặp Giun và đuổi đánh. Giun chạy lên núi, gặp ông Bụt đứng đó, Giun van lạy Bụt cứu mình. Sau khi nghe Giun kể lể sự tình Bụt bảo :

“Hay là ta hóa cho mày làm con chim để trốn”

Nhưng Giun thưa thằng Hét sẽ lấy cung bắn . Bụt lại nói:

“Thế thì ta hóa cho mày làm con cá vậy”.

Giun vẫn sợ cho rằng thằng Hét sẽ chăng lưới bắt. Bụt nói :

“Lên trời không thoát, xuống nước cũng không khỏi, thôi thì vì mày tên là Giun ta sẽ hóa mày thành con giun chui dưới đất thì Hét không làm gì được”.

Hét đuổi đến không bắt được Giun nên khóc lóc thảm thương vì chưa trả được oán thù. Bụt vừa thương vừa nghĩ đến cái luật oan oan tương báo thật khó tránh. Bụt nói :

“Thế thì ta hóa mày làm con chim ăn giun vậy và lấy tên là chim Hét”.

Từ đó, loài chim Hét cứ tìm giun mà ăn.

Xuất phát từ nội dung của truyện kể trên, ông bà ta có câu tục ngữ: “Muốn ăn hét phải đào giun” để nói lên cái định luật oan oan tương báo. Nhưng một khi lấy oán để báo oán thì oán nào được tiêu trừ. Thật như trong lời kinh pháp cú Đức Phật đã dạy :

“Lấy oán báo oán , oán mãi không thôi,

Lấy ân báo oán, oán liền tiêu diệt”

Cũng như : “Hận thù diệt hận thù

Đời này không thể có

Từ bi diệt hận thù

Là định luật ngàn xưa.”

Ngoài ra, đề lên quả báo của những kẻ vong ơn bội nghĩa, sống thiếu thủy chung thì có truyện “ Sự Tích Con Muỗi”. Hay đề ca ngợi những tấm gương chịu thương chịu khó, cần mẫn siêng năng trong công việc, lấy sự thông minh cảm hóa con người thì có truyện “Chú Bé Tí Hon, Cây Tre Trăm Đốt, Chàng Sọ Dừa . . .”.

Điêm qua một số nhân vật chính trong những truyện kể trên, ta dễ dàng nhận ra một điêm chung trong bố cục nội dung của những cốt truyện là người nào làm lành làm thiện, tức gieo trồng nhân tốt thì sẽ gặp được kết quả tốt lành. Ngược lại, người nào gây tạo những nhân xấu, trái với luân thường đạo lý, kỷ cương của dân tộc thì sẽ gặp phải những kết cục khổ đau. Nét đặc biệt ở đây là thông qua những tác phẩm văn thơ Hán Nôm, những mẩu chuyện dân gian cổ tích Việt nam, những câu ca dao tục ngữ phần lớn nội dung bên trong phản ánh một cách thiết thực về triết lý nhân quả của Đạo Phật. Vậy tư tưởng triết lý nhân quả của Đạo Phật đã đến với dân tộc Việt nam từ bao giờ ? và tính triết lý ấy đã thấm thấu vào suy nghĩ , hành vi cư xử của người Việt qua những phương thức nào ? Để trả lời những vấn đề trên chúng ta lại phải tìm hiểu xem tính triết lý nhân quả ấy đã ảnh hưởng như thế nào đối với đời sống xã hội.

2.2 ẢNH HƯỞNG TRONG ĐỜI SỐNG SINH HOẠT XÃ HỘI :

Đạo Phật đã chung sống với nhân dân Việt Nam qua 20 thế kỷ, một khoảng thời gian đủ để khẳng định giá trị của Đạo Phật trong lòng dân tộc. Tư tưởng của Đạo Phật đã thấm nhuần tinh thần dân tộc. Bởi sự gắn bó mật thiết và gần gũi như vậy nên người dân Việt Nam đã xem Đạo Phật là đạo của tổ tiên truyền lại. Giáo lý nhân quả nghiệp báo cũng đã ảnh hưởng một cách sâu sắc trong đời sống sinh hoạt và những phong tục, tập quán của người dân Việt Nam. Nó đã được xã hội hóa thành một nếp sống tín ngưỡng hết sức sáng tỏ đối với dân tộc. Chúng ta biết rằng, xã hội hóa là một quá trình mà trong đó mỗi cá nhân tiếp nhận nền văn hóa từ khi con người được sinh ra và lớn lên trên mảnh đất quê hương Việt Nam. Từ đó nó hướng dẫn con người có những hành động, hành vi cư xử đúng đắn trong xã hội. Nói khác hơn, xã hội hóa chính là nơi dạy cho mỗi cá nhân học cách làm người. Trong đó, xã hội hóa được thiết lập trong một môi trường mà con người đã được hấp thụ những tinh hoa trong cuộc sống.

Với phương châm “Tùy duyên nhi bất biến” hoặc ngược lại “Bất biến nhi tùy duyên”, Phật Giáo đã khéo vận dụng như là một phương tiện hữu hiệu để đưa giáo lý của Đạo Phật đến với cuộc đời. Vì vậy, Phật giáo đến với đất nước nào liền có hình thái thích nghi với nền văn hóa, phong tục, tập quán của quốc gia đó. Như lời nhận xét của Hòa Thượng Thích Thanh Từ:

“Phật giáo không có giáo quyền chung, không lệ thuộc giáo hội trung ương điều khiển. Cho nên, Phật giáo truyền bá đến địa phương nào, tùy sự thích nghi của dân tộc địa phương đó. Bởi không lệ thuộc giáo hội trung ương nên tất cả động sản, bất động sản của Phật giáo của nước nào đều là của dân tộc của nước đó. Nếu chúng ta phàn nàn Phật giáo có nhiều hình thức phức tạp khó thống nhất, thì chúng ta phải phục Phật giáo đã khéo tùy dân tộc tính mà biến thành đạo của dân tộc từng quốc gia” .

Do vậy, trải qua một khoảng thời gian hơn hai nghìn năm, Đạo Phật du nhập vào nền văn hóa Việt Nam, nên những tư tưởng triết lý của Đạo Phật mà điển hình là tư tưởng triết lý nhân quả đã có những ảnh hưởng sâu sắc to lớn trong đời sống sinh hoạt của xã hội Việt Nam cũng là điều

tất yếu và dễ hiểu. Tuy nhiên, để có được một nhận định chính xác và rõ ràng về sự ảnh hưởng này, ta có thể tìm hiểu cũng như so sánh qua hai xã hội trước và nay.

2.2.1 TRONG XÃ HỘI TRƯỚC ĐÂY:

Nói đến giáo lý nhân quả là nói đến một quy luật tất yếu của nhân sanh và vũ trụ. Nó không chỉ dành riêng cho những người tu sĩ hay cho những tín đồ Phật giáo mà còn dành chung cho toàn xã hội. Điều này đã khiến cho Phật giáo có được những ảnh hưởng sâu sắc đối với gia giáo cổ truyền của người Việt trong xã hội trước đây. Không biết từ bao giờ, con người Việt Nam, dân tộc Việt Nam đã biết đến tính chất nhân quả như một nếp sống đạo đức được thiết lập từ bên trong gia đình cho đến ngoài xã hội. Phải chăng cha ông ta đã tiếp nhận những điều hay lẽ phải trong tinh thần cầu tiến để phục vụ cho cuộc sống của nhân dân. Và lại, giáo lý nhân quả lại rất phù hợp với bản chất con người Việt Nam, dân tộc Việt Nam, một dân tộc vốn hiền hòa dễ mến. Bản chất ấy được kết tinh trong môi trường, hoàn cảnh và vị trí địa lý mà có được. Đất nước Việt Nam, một trong những đất nước nằm trong nền văn hóa chung của khu vực Đông Nam Á, đó là nền văn hóa lúa nước. Do vậy, cuộc sống sinh hoạt xã hội Việt Nam lúc bấy giờ dường như gắn liền với thiên nhiên, gắn liền với những lễ hội sinh hoạt cộng đồng. Con người luôn đặt niềm tin và hy vọng vào sự chở che và giúp đỡ của một đấng thần linh nào đó.

Trên quan niệm đó, trong xã hội đã bắt đầu có sự xuất hiện của những khái niệm về những thần linh như: thần mưa, thần gió, thần sông, thần biển, thiên lôi, hà bá... Nên một khi nói điều gì, làm việc gì con người hết sức dè dặt và cẩn trọng trước sự uy hiếp vô hình của các đấng thần linh. Nhờ vậy, con người đã biết chọn lựa những cái hay cái đẹp xử sự lẫn nhau, lấy cái thiện làm chất liệu cho cuộc sống. Bấy giờ, con người tin rằng một khi gây nên điều gì làm phật lòng đến các đấng thần linh thì con người sẽ bị trừng phạt bằng những hình thức như: hạn hán, mất mùa, lũ lụt, bão tố, dịch bệnh...

Đặc biệt trong sinh hoạt xã hội xưa con người rất coi trọng và tôn kính đối với những người đã khuất. Đây là nhân tố quan trọng, là tiền đề cho sự ra đời của tục lệ thờ cúng ông bà sau này. Dựa trên những sinh hoạt, phong tục, tập quán của người Việt xưa, ta dễ dàng nhận thấy sự gắn bó mật thiết giữa triết lý nhân quả của Đạo Phật với đời sống xã hội thông qua những giá trị đạo đức chuẩn mực. Bởi triết lý nhân quả của Đạo Phật rất phù hợp với nếp sống, với quan niệm nhân sanh và vũ trụ xưa nay của dân tộc. Trong quảng đại quần chúng thì dấu ấn của thuyết nhân quả được thể hiện rõ nét qua những bài học giáo dục đạo đức làm người, đó là phải ăn hiền ở lành. Bài học giá trị đạo đức ấy đã được phản ánh tích cực trong đời sống sinh hoạt từ gia đình cho đến xã hội. Đúc kết từ những kinh nghiệm sống thiết thực, cha ông ta đã nhắn gửi cho thế hệ con cháu những bài học luân lý mang tính giáo dục rất lớn. Ở đây, ý nghĩa và giá trị của chữ “Đức” dưới quan niệm triết lý nhân quả đã được người dân Việt nam đón nhận một cách tích cực và sâu sắc. Trong sinh hoạt của những gia đình gia giáo xưa, chữ “Đức” được xem như là một biểu tượng thiêng liêng cao quý, là mục đích hướng đến cho con cháu mai sau.

Nếu có dịp ghé thăm những ngôi nhà cổ ở vùng Bắc Trung bộ, ta sẽ tìm thấy dấu tích về quan niệm chữ “Đức” trong những gia đình truyền thống lễ giáo vẫn còn tồn tại cho đến ngày hôm nay. Đặt chân vào đây ta sẽ thấy một bức đại tự (hay còn gọi là bức hoành phi) được treo ở một không gian rất trang trọng và thiêng liêng với dòng chữ được viết bằng chữ Hán Nôm thật đẹp “LƯU ĐỨC MUÔN PHƯƠNG”. Dòng chữ ấy như một lời nhắc nhở, đồng thời còn được

xem như một bức gương sáng có công năng soi sáng cho chính bản thân mình trước khi suy nghĩ hay khởi sự cho một công việc gì. Từ xa xưa, ông cha ta đã ý thức được giá trị cao quý của con người không phải ở địa vị và danh vọng mà chỉ có nơi những con người đức hạnh. Thời gian qua đi mọi sự vật đều đổi thay, địa vị, tiền tài, danh vọng kia rồi cũng tan biến, duy chỉ có danh thơm tiếng tốt của những con người đức hạnh sẽ còn lưu mãi với thời gian. Thật như trong Kinh Đức Phật đã dạy :

“Hương của các loài hoa

Không thể bay ngược gió

Hương người đức hạnh đó

Ngược gió bay muôn phương.”

Một lần nữa chúng ta lại bắt gặp hình ảnh của chữ đức trong quan niệm sống của người dân Việt. Một quan niệm về ý thức tích đức cho thế con cháu mai sau. Như lời nhận định của nhà sử học – Giáo sư Nguyễn Khắc Thuần :

“Từ nhận thức với những mức độ khác nhau và từ phép ứng dụng thiết thực thuyết nhân quả vào cuộc sống, đạo đức làm người được tôn vinh, vượt lên trên tất cả những giá trị vật chất khác. Tất nhiên, đạo đức làm người giữa bao phong trào biến đổi không phải chỉ có bấy nhiêu, nhưng một bộ phận cấu thành có nguồn gốc từ triết lý nhân quả là điều không thể phủ nhận.”

Qua những phản ánh trong kho tàng văn học dân gian Việt nam, qua những truyện kể dân gian cổ tích cho đến những tác phẩm văn thơ bất hủ được thể diễn dưới nhiều thể thức khác nhau cũng đủ để cho ta thấy được mức độ ảnh hưởng to lớn và sâu sắc của triết lý nhân quả trong Đạo Phật đối với xã hội trước đây như thế nào. Xã hội ngày nay thì sao ? liệu rằng triết lý nhân quả có còn tác động và ảnh hưởng đến xã hội ngày nay hay không ?

2.2.2 TRONG XÃ HỘI NGÀY NAY :

Ngày nay, khi xã hội phát triển đến một mức độ tột cùng, mọi sự vật hiện tượng trong vũ trụ đều được giải quyết dưới lăng kính khoa học. Cuộc sống con người đang bị cuốn hút bởi những dòng thác vật chất, bởi sự bùng nổ của những khám phá và phát minh trong ngành khoa học hiện đại. Con người đang dần lệ thuộc và tỏ ra tự mãn trước những thành tựu mà họ đã và đang đạt được. Trong xã hội lúc này xuất hiện những quan điểm cho rằng con người có thể cải tạo thiên nhiên và buộc thiên nhiên quay lại phục vụ cho những nhu cầu của con người. Trước những quan điểm ấy, liệu rằng triết lý nhân quả trong Đạo Phật có còn ảnh hưởng và mang giá trị cần thiết cho xã hội ngày nay hay không ?

Trên phương diện vật chất, ta không phủ nhận những thành tựu khoa học đạt được đã mang lại cho con người một đời sống đầy đủ và tiện ích hơn. Nhưng trên phương diện luân lý đạo đức của xã hội, tính nhân quả vẫn mãi là một quy tắc chuẩn mực mà con người không thể trốn chạy hay vượt qua. Dù con người có thành công đến đâu đi nữa thì vẫn không sao tránh khỏi những tác động âm thầm từ tính chất nhân quả. Bởi lẽ, chúng ta phải hiểu rằng tính nhân quả không

phải là một sản phẩm do Đạo Phật tạo ra, mà nó là một quy luật tất yếu trong vũ trụ. Đức Phật chỉ là người khám phá và chỉ ra cho con người nhận biết. Cũng như bản chất Phật tánh của mỗi con người ai cũng có, nhưng do vô minh vọng tưởng ta không nhận ra được điều đó. Nên mục đích của Đức Phật ra đời không phải là sáng tạo thêm cho mỗi con người một Phật tánh mới, mà nhằm một mục đích duy nhất là chỉ ra cho chúng sanh nhận biết Phật tánh sẵn có trong mỗi con người.

Thực tế cho thấy, do những tác động quá mức của con người vào môi trường tự nhiên, nên cũng chính con người đang phải gánh chịu biết bao hiện trạng thảm khốc. Nạn khai phá rừng bừa bãi, đốt phá cỏ cây, săn bắn động vật quá mức. . . chính là nguyên nhân đưa đến các thảm họa thiên tai như hạn hán, lũ lụt, động đất, sóng thần. . . và một hiện trạng đáng báo động của xã hội ngày nay là con người đang phải đối mặt với chiến tranh, bệnh tật phát sinh từ những hành động ghê sợ của con người như chế tác vũ khí hạt nhân, bom nguyên tử, và biết bao độc tố có thể giết chết con người trong phút chốc. Sự bùng phát của những tình trạng trên là do con người chưa nhận thức được vai trò ý nghĩa quan trọng từ việc thực hành và hiểu rõ tính chất nhân quả. Đạo Phật đã khẳng định con người là trung tâm của vũ trụ. Do vậy, những gì con người tạo tác thì cũng chính con người phải gánh chịu kết quả từ những hành động ấy. Vì “con người là chủ nhân của nghiệp, là kẻ thừa tự nghiệp”. Điều này đã được Đức Phật lý giải trong đoạn kinh sau :

“Do nhân gì, thừa tôn giả Gotama, do duyên gì, ngày nay loài người lại bị tiêu diệt, bị giảm thiểu trông rõ như thế, các làng trở thành không phải làng, các thị trấn trở thành không thị trấn, các thành phố trở thành không thành phố, các quốc độ trở thành không quốc độ ?

- Ngày nay, này Bà la môn , loài người bị tham ái phi pháp làm cho say đắm. Vì bị ác tham chinh phục, bị tà kiến chi phối, chúng cầm gươm sắc bén sát hại lẫn nhau. Do vậy nhiều hạng người mạng chung. Đây là nhân này Bà la môn, đây là duyên, ngày nay loài người bị tiêu diệt, bị giảm thiểu trông rõ như thế . . . các quốc độ trở thành không quốc độ.”

Ngoài những hiện trạng trên, vấn đề luân lý đạo đức trong xã hội cũng đang là thực trạng mà mỗi chúng ta cần nhìn nhận. Đạo đức con người ngày càng bị tha hóa trước những lợi danh, vật chất. Trong một số gia đình truyền thống gia phong lễ giáo xưa nay là niềm tự hào của dân tộc nay đã bị đảo lộn. Thật đau lòng biết bao khi hàng ngày phải chứng kiến bao cảnh trái ý nghịch lòng, xem thường đạo đức. Trong đó cảnh con giết cha, chồng giết vợ, trò đánh thầy . . . không còn là điều xa lạ với xã hội ngày nay. Rồi lại những tệ nạn mại dâm, ma túy, trộm cướp, giết người . . . đang là ung nhọt đau nhức, nó làm băng hoại giá trị đạo đức con người và xã hội. Ngay cả những con người đại diện cho pháp luật, là bộ mặt cho xã hội cũng bị tha hóa bởi nạn tham ô hối lộ, khiến cho nền kinh tế trở nên chậm phát triển, bao người dân rơi vào hoàn cảnh khốn đốn.

Tất cả những hiện tượng trên là dấu hiệu cho thấy sự suy thoái của những giá trị luân lý đạo đức con người. Hệ quả ấy là do đâu? Phải chăng do một bàn tay vô hình nào đó đang chi phối và làm thay đổi trật tự của xã hội. Không nói ra có lẽ ai cũng biết, hệ quả không ai khác hơn chính tự thân của con người tạo tác. Qua đó ta sẽ thấy rõ hơn quy luật của xã hội dưới sự tác động của tiến trình nhân quả. Một khi những thỏa mãn về nhu cầu vật chất đạt đến tột đỉnh thì yếu tố đạo đức con người ngày càng suy thoái. Làm thế nào để cân bằng một xã hội vừa đầy đủ những nhu cầu vật chất, vừa không đánh mất đi giá trị nhân văn đạo đức của con người ? Chỉ có giáo lý của Đạo Phật mới có thể giải quyết những vấn đề trên một cách trọn vẹn. Thật đúng như lời phát biểu

của Einstein, một nhà bác học nổi tiếng của thế giới: “Tôn giáo mà ngày nay rất gần gũi và phù hợp với thời đại khoa học, không có tôn giáo nào khác ngoài Đạo Phật”. Do vậy, yếu tố phù hợp với thời đại khoa học đã khẳng định vai trò và giá trị thiết thực của giáo lý Đạo Phật đối với xã hội. Trong đó, triết lý nhân quả không còn xa lạ gì với con người ngày nay. Tuy nhiên, để cho lý nhân quả được trở nên thiết thực và cụ thể, đòi hỏi con người phải thật sự ứng dụng vào đời sống một cách đúng đắn, hầu xây dựng một xã hội hướng thượng tốt đẹp.

Theo quan điểm của người viết, con người ngày nay không phải không biết đến triết lý nhân quả, hay lý nhân quả không còn ảnh hưởng sâu sắc trong đời sống sinh hoạt của xã hội, nhưng do chúng ta còn quá thờ ơ trong việc ứng dụng, thực hành một cách đúng đắn và hợp lý. Mặt khác, do sự chi phối và tác động mạnh mẽ của nhiều yếu tố vật chất bên ngoài khiến con người ta trở nên lạnh lùng băng giá trước những giá trị đạo đức cao đẹp. Phải chăng đó là dấu hiệu cho thấy sự khác biệt của xã hội trước đây và xã hội ngày nay trước tác động của triết lý nhân quả.

Trước đây, con người luôn chú trọng đến việc ứng dụng thực tiễn vào đời sống, từ đó đúc kết thành những bài học có giá trị sâu sắc. Ngược lại, ngày nay chúng ta lại quá đam mê và đặt nặng về học thuyết kinh điển mà quên đi yếu tố quan trọng là thực hành. Tuy nhiên, dù trong mọi xã hội trước hay nay thì con người vẫn không thể vượt ra ngoài quỹ đạo trong tiến trình diễn tiến của lý nhân quả. Bởi tính nhân quả là một quy luật khoa học khách quan, công bằng, cụ thể cũng như mọi quy luật khác trong tự nhiên. Sự khác biệt trong từng xã hội chẳng qua là cách nhân thức trong từng bối cảnh của thời đại nên có sự ảnh hưởng khác nhau trong từng quan niệm sống. Như lời nhận định của giáo sư Nguyễn Khắc Thuần: “Tính triết lý sâu sắc của thuyết nhân quả không phải ai ai trong xã hội nhận thức được, nhưng xã hội bao giờ cũng có cách ứng dụng thiết thực của xã hội. Trong quảng đại nhân dân, dấu ấn của thuyết nhân quả thể hiện rõ nhất ở những quan niệm về giáo dục đạo đức làm người”

Qua lời nhận định trên, ta thấy triết lý nhân quả của Đạo Phật không phải chỉ được nói đến trong những học thuyết lý luận mang tính kinh điển mà nó đã được phổ cập rộng rãi trong đời sống nhân dân. Lý nhân quả còn mang đậm dấu ấn trong đời sống sinh hoạt, phong tục, tập quán của dân tộc Việt Nam ngay từ những ngày đầu dựng nước. Ảnh hưởng ấy không còn đơn thuần là một khái niệm, một định lý tất yếu. Nội dung sâu xa bên trong của giáo lý nhân quả chính là những bài học mang tính giáo dục nhân văn đối với xã hội cũng như mang lại cho nền văn hóa dân tộc một bản sắc thuần túy Việt nam. Đó chính là những bài học giáo dục đạo đức làm người. Với nền văn hóa phương Đông, đạo đức con người được xem là một chuẩn mực tất yếu không thể thiếu trong đời sống thường nhật. Đạo đức ở phương Đông theo Khổng tử: “Đạo bất viễn nhân, nhân chi vi đạo, vi viễn nhân, bất khả dĩ vi đạo”. Đạo vốn ở nơi người, chứ không ở xa người. Người làm đạo mà để cho đạo tách xa người thì chẳng còn là đạo nữa. Do vậy, đạo đức còn là sự biểu hiện tình người trong mối liên hệ của mình đối với những người xung quanh, với cộng đồng và xã hội.

CHƯƠNG 3

TÍNH NHÂN VĂN CỦA GIÁO LÝ NHÂN QUẢ

ĐỐI VỚI XÃ HỘI

Nhân quả như vừa được trình bày trên thuộc pháp hữu vi còn mang tính sanh diệt nên còn có sự chi phối, tác động qua lại của các Pháp thể gian. Đó chính là phần biểu hiện của tính tục đế nên nó mang ý nghĩa luân lý đạo đức không chỉ trong Đạo Phật mà còn có giá trị giáo dục đối với xã hội. Trên phương diện tục đế, triết lý nhân quả của Đạo Phật đã được xã hội đón nhận và trân trọng bởi những đặc điểm và tính chất sau đây:

3.1 ĐỀ CAO GIÁ TRỊ CON NGƯỜI :

Hơn bao giờ hết, tính triết lý nhân quả của Đạo Phật đã đặt trách nhiệm, vai trò giá trị của mỗi cá nhân lên hàng đầu. Không một tôn giáo nào có được một tinh thần cởi mở và phóng khoáng như Đạo Phật. Vì phần lớn các tôn giáo khác đều đặt nặng tính thần quyền, ban phúc của một đấng giáo chủ tối cao của mình. Với Đạo Phật luôn tôn trọng tính chất quan trọng của tự thân. Đức Phật luôn khẳng định quan điểm “Ngài chỉ là người dẫn đường” chứ không hề tham dự chức năng quyết định. Con người là trung tâm điều hành chi phối mọi hành động và mọi hành động của con người đều được hình thành trên nền tảng tâm thức. Tính nhân quả trong Phật Giáo đặt ra vấn đề trách nhiệm của cá nhân, bởi con người vừa là chủ nhân của nghiệp và cũng vừa là kẻ thừa tự của nghiệp.

Trong xã hội cũng vậy, không có trách nhiệm cá nhân thì không có sự hình thành của luật pháp. Do vậy, con người phải có trách nhiệm đối với những hành động mà mình đã làm cho tự thân, cho gia đình và xã hội. Nói theo ngôn ngữ thế gian thì mình làm mình chịu chứ không thể lôi kéo một cá nhân nào khác đứng lên gánh chịu trách nhiệm cho mình, và cũng không thể có cái gọi là “Đời cha ăn mặn, đời con khát nước” trong triết lý nhân quả của Đạo Phật.

Theo Phật Giáo, hạnh phúc hay khổ đau không phải là chuyện ngẫu nhiên từ trên trời rơi xuống hay từ lòng đất vọt lên, lại càng không phải do sự thưởng phạt, ban ân của thượng đế hay một năng lực siêu hình nào khác. Hạnh phúc hay khổ đau đều do nơi chính con người định đoạt, trong đó yếu tố nhân duyên cũng góp phần quan trọng.

Trên cơ sở nhân quả, cũng như trên quan niệm luân lý đạo đức của Phật Giáo thì thiện là những gì đem lại lợi ích cho mình và người trong hiện tại và tương lai theo hướng ly tham, ly sân, ly si, không ghen ghét, không đố kỵ, không gây tổn hại. Trái lại với quan niệm trên được xem như là bất thiện. Ở góc độ nhìn nhận của xã hội, ta có thể tạm hiểu những khái niệm như công bằng, nhân đạo, chí công, vô tư, cần, kiệm, liêm, chính, không tham nhũng, không hối lộ, không tham đắm vào các tệ nạn xã hội . . . được xem là thiện. Hiểu được điều đó tự thân mỗi chúng ta cần nỗ lực phát tâm hành thiện theo phương châm “tránh các điều ác, làm các việc thiện”. Việc làm cũng ấy đồng nghĩa với hành động tích cực tham gia các hoạt động xã hội với ước vọng mang lại niềm vui, hạnh phúc cho tha nhân, cộng đồng xã hội.

Những hành động trên phần nào cho ta thấy được vai trò quan trọng của tự thân. Đó là nhân tố quyết định cho hạnh phúc hay khổ đau của mỗi con người. Trong kinh Pháp cú Đức Phật khẳng định quan điểm trên qua lời dạy :

“Tự mình làm điều ác

Tự mình làm nhiễm ô
Tự mình ác không làm
Tự mình làm thanh tịnh
Tịnh không tịnh tự mình
Không ai thanh tịnh ai”

Tính nhân quả trong Đạo Phật một lần nữa đã cho xã hội nhận thức được vai trò, giá trị con người trong mọi hành động mà mình tạo tác. Tính nhân quả không phải là một tín điều thần khai như lâu nay chúng ta hằng lầm tưởng. Cuộc sống con người trong vũ trụ không do một đấng sáng tạo phán quyết. Con người là chủ nhân kiến tạo nên thế giới hạnh phúc hay khổ đau cho nhân loại. Con người phải tự biết tư duy phán xét trước các thiện cái ác đang dấy lên trong xã hội. Thấy ác thì nên xa lìa từ bỏ, thiện thì nên đồng mãnh phát tâm thực hành. Đối với mọi hành động nhỏ nhất, dù thiện hay ác chúng ta không nên xem thường mà bỏ qua. Tuy một đốm lửa nhỏ nhen nhưng lại có thể thiêu rụi một mảnh rừng to lớn, tuy một ít nước nhỏ giọt không đáng là bao nhưng trải qua lâu ngày cũng có thể làm cho bình nước kia tràn đầy. Hình ảnh giọt nước, đốm lửa để minh chứng cho những hành động thiện ác của con người dù nhỏ nhất nhưng kết quả cuối cùng lại rất to lớn. Hình ảnh ấy đã được nói đến trong hai câu Pháp cú sau :

“Chớ khinh điều ác

Cho rằng chưa đến mình

Như nước nhỏ từng giọt

Rồi bình cũng đầy tràn

Người ngu chứa đầy ác

Do chất chứa dần dần.”

Và :

“ Chớ chê khinh điều thiện

Cho rằng chưa đến mình

Như nước nhỏ từng giọt

Rồi bình cũng tràn đầy

Người trí chứa đầy thiện

Do chất chứa dần dần.”

Trong giáo lý nhân quả, giá trị con người không chỉ được đề cao ở vai trò và trách nhiệm mà con người còn có khả năng làm thay đổi nghiệp cũ (chuyển nghiệp). Đây là một đặc tính hết sức nhân bản trong giáo lý nhân quả của Đạo Phật. Nó cho phép con người có được một khả năng hướng thượng. Con người biết khắc phục sửa chữa cái xấu, cái ác trở thành cái hay cái đẹp. Đây là một đặc tính khác biệt giữa con người với những loài vật khác. Điều đó càng được khẳng định và làm cho sáng tỏ hơn thông qua triết lý nhân quả của Phật giáo. Tính nhân văn trong triết lý nhân quả không phải là nhằm lý giải cái nhân cái quả khiến cho con người trở nên lo sợ hay trốn chạy, mà nó mang đến cho con người những cơ hội để tự mình khắc phục những sai lầm trong quá khứ và xây dựng cho chính mình một đời sống an vui và hạnh phúc.

3.2 LOẠI BỎ NHỮNG QUAN NIỆM TIÊU CỰC TRONG XÃ HỘI :

Trong xã hội sự tồn tại giữa cái thiện và cái ác là một quy luật tất yếu. Đời sống con người không phải chỉ thuần khổ, thuần lạc hay thuần phi khổ phi lạc mà là một quá trình đan xen lẫn lộn. Trên cơ sở nhân quả nghĩa là trên căn bản thiện về quan niệm luân lý đạo đức của Phật Giáo, người viết muốn đưa ra một số khuynh hướng sai lầm, quan niệm tiêu cực đang tồn tại trong lòng xã hội. Ở đây, tính triết lý nhân quả góp phần xóa bỏ những quan niệm tiêu cực ấy.

Qua những gì tìm hiểu trên, trước hết lý nhân quả không đồng quan điểm với cái gọi là thiên mệnh hay định mệnh. Bởi những quan niệm sai lầm ấy đã khiến cho bao con người trở nên thụ động. Họ cho rằng những gì mình có được ngày hôm nay đều là do sự tác động chi phối của ông trời. Dù mình có cố gắng đến đâu đi nữa thì nghèo vẫn là nghèo, khổ vẫn là khổ, vì “số trời đã định”. Thế nhưng khi được hỏi ông trời là ai ? thì con người không sao lý giải được. Với nhận định sai lầm ấy, chúng ta lại vô tình tiếp tay cho những hành động sai quấy. Ta không thể ngồi đó trông chờ một kết quả tốt lành đưa đến, lại càng không thể khoanh tay trước cái gọi là số phận an bài. Hành động như vậy chẳng khác nào ta đang hạ thấp giá trị con người giữa một thế giới bao la vũ trụ.

“Giáo lý nhân quả do đó, một mặt vừa chỉ rõ con đường sanh tử của con người để tránh, vừa khích lệ con người hành thiện. Mặt khác, dạy con người ý thức trách nhiệm, sống không ỷ lại, không chạy trốn, không đổ lỗi, không cầu xin. Đây là tinh thần giáo dục rất lành mạnh và tích cực trong việc giáo dục một con người tốt ở cả hai mặt cá nhân và xã hội”

Thấy được giá trị đích thực của tự thân, con người không trông chờ ỷ lại, không đặt niềm tin vào số phận. Do vậy, lý nhân quả đồng thời lên án phê phán những hiện tượng tiêu cực đang an nhiên tồn tại cho đến tận bây giờ, như nạn xin xăm bói quẻ, lên đồng lên cốt, tướng số tử vi ... Tất cả những hiện tượng ấy chính là dư âm còn lại của một quãng thời gian khá dài đất nước Việt nam, dân tộc Việt nam bị áp đặt bởi nền văn hóa Trung Hoa. Những hiện tượng ấy cũng có thể bắt nguồn từ tư tưởng triết học của Không giáo và Lão giáo.

Đức Thế Tôn của chúng ta đã từng phê phán việc cầu xin và ước vọng, Ngài cho rằng thật không lợi ích gì con người cứ ngồi đó van xin cầu khẩn. Đức Phật dạy : “Nếu có người làm

mười ác hạnh, rồi một quần chúng đồng đảo đến cầu xin, cầu khẩn, chắp tay mong rằng người ấy sẽ được sanh thiện thú, thiên giới. Sự cầu khẩn như vậy là vô ích. Vì người ấy làm mười ác hạnh sẽ bị rơi vào địa ngục. Ví như một người quăng một tảng đá vào hồ nước, rồi một số đồng đảo đến cầu xin, cầu khẩn, chắp tay cầu rằng tảng đá ấy sẽ được nổi lên. Sự cầu khẩn như vậy là vô ích. Vì tảng đá ấy với sức nặng của nó, không thể nổi lên, không thể trôi vào bờ như lời cầu xin của quần chúng ấy. Trái lại, một người từ bỏ mười ác hạnh, làm mười hạnh lành, nếu có một quần chúng đồng đảo đến cầu xin, cầu khẩn, chắp tay cầu rằng người ấy sẽ bị sanh vào địa ngục, đọa xứ, thời lời cầu xin ấy cũng không được thành tựu. Người ấy vẫn được sanh lên thiện thú, thiên giới, cõi người. Ví như một người nhận chìm một ghè dầu vào trong hồ nước, rồi đập bể ghè dầu ấy, thời số dầu ấy sẽ nổi lên mặt nước. Dầu cho có một quần chúng đồng đảo đến cầu xin, cầu khẩn, chắp tay cầu rằng số dầu ấy hãy chìm xuống đáy nước. Lời cầu xin ấy tất không có kết quả, số dầu ấy vẫn nổi trên mặt nước. Như vậy có cầu khẩn, cầu xin cũng không lợi ích gì.”

Qua đoạn kinh trên chúng ta càng thấy rõ sự vô ích của việc cầu xin. Tất cả những hiện tượng sự vật, những hành động của con người đều đặt nền tảng trên cơ sở nhân quả. Nói khác hơn, con người phải có niềm tin ở chính mình, không có một sự cầu xin nào có thể thay đổi được hoàn cảnh sống quanh mình. Nếu việc cầu xin trở thành hiện thực thì tính nhân quả của Đạo Phật sẽ không còn tồn tại bởi tính công bằng đã bị phá vỡ.

Trong một xã hội nếu ai cũng làm ác rồi sau đó van xin cầu khẩn một đấng thần linh ban ân xóa tội thì xã hội ấy sẽ trở nên đại loạn. Thế giới Ta bà này bỗng nhiên trở thành một biển máu vô cùng ghê sợ. Bởi khắp mọi nơi người người làm ác, nhà nhà làm ác, thậm chí tàn sát lẫn nhau để có được quyền lợi, địa vị và danh vọng. Nhưng thật may mắn thay, sự hiện diện của giáo lý nhân quả giữa cuộc đời này như là một phương thuốc kỳ diệu. Nó đã không cho phép con người ta hành động theo một bản năng tự tác. Nếu không, trong xã hội này còn gì là tính kỷ cương luân thường đạo lý của con người. Chúng ta không phủ nhận tính chất cạnh tranh để phát triển theo một quy luật tự nhiên. Sống giữa cõi đời ai cũng muốn được giàu sang phú quý, ai cũng muốn được hạnh phúc bình an nhưng không vì thế mà ta bất chấp mọi thủ đoạn gian lận, mách khỏe, coi thường nếp sống luân lý đạo đức để đạt được mục đích cá nhân.

Hiểu rõ ý nghĩa trên, con người sẽ không còn dao động hay bị chi phối bởi những quan niệm về ông đồng bà cốt nhân danh một vị Phật, Bồ tát giáng xuống trần gian giúp đỡ mọi người. Chúng ta lại càng không a dua theo những thói quen, tập tục xin xăm bói quẻ, vay tiền thần thánh để mưu cầu làm ăn phát đạt, mua may bán đất, sức khỏe bình an ... Tất cả những điều đó không mang tính thực tế, thiếu cơ sở khoa học, nhất là lại không phù hợp với đặc tính nhân quả của Đạo Phật.

Thông qua giáo lý nhân quả, con người sẽ dễ dàng nhận thức đúng đắn về bản chất của sự vật hiện tượng. Do vậy, con người sớm thức tỉnh trước sự bao trùm che đậy của những hiện tượng mê tín dị đoan đã và đang diễn ra trong suốt mấy nghìn năm lịch sử của dân tộc.

3.3 XÂY DỰNG TRUYỀN THỐNG ĐẠO ĐỨC DÂN TỘC :

Đất nước Việt nam, một đất nước vốn mang truyền thống đạo đức dân tộc, một truyền thống gắn liền với lịch sử dựng nước và giữ nước. Trải qua mấy nghìn năm lịch sử, nền văn hóa của

dân tộc Việt nam vốn chịu ảnh hưởng sâu sắc từ suối nguồn đạo lý Phật Giáo. Trong đó, tính triết lý nhân quả được xem như là nền tảng xây dựng truyền thống đạo đức dân tộc qua những nét căn bản sau :

Triết lý nhân quả góp phần xây dựng tinh thần đoàn kết dân tộc, một trong những sức mạnh đóng vai trò quyết định trong công cuộc giữ vững nền độc lập đất nước. Ý thức được giá trị của tự thân, vai trò và trách nhiệm của mỗi cá nhân trong xã hội, dân tộc Việt nam đã liên kết cùng nhau xây dựng thành một khối đại đoàn kết vững mạnh. Giáo lý nhân quả đã dạy cho con người Việt nam thấy rằng muốn giữ vững nền hòa bình độc lập của đất nước thì tự thân mỗi cá nhân trong xã hội phải nỗ lực phấn đấu, không ngồi đó trông chờ hạnh phúc. Một đất nước tuy nhỏ, một nền kinh tế còn nghèo và lạc hậu nhưng không vì thế mà dân tộc Việt nam cảm thấy tự ti mặc cảm, hay chấp nhận một quá khứ đau thương như là định mệnh. Trong hoàn cảnh ấy, mỗi con người Việt nam càng ý thức vai trò và trách nhiệm thiêng liêng trọng đại của mình, đề cùng nhau góp phần kiến tạo một đất nước giàu mạnh trong tinh thần đoàn kết dưới sự soi sáng của triết lý nhân quả. Đoàn kết ở đây không có nghĩa là kích động chiến tranh hận thù mà chính là kêu gọi hòa bình nhân ái. Giá trị to lớn của giáo lý nhân quả là hướng dẫn con người sống sao cho tốt, hành động sao cho thiết thực và có ý nghĩa đối với tự thân, với gia đình và xã hội. Theo tinh thần của Đạo Phật, đoàn kết còn mang một ý nghĩa cao đẹp và rộng mở hơn đó là xa lìa lối sống vị kỷ hẹp hòi.

Trên tinh thần đoàn kết, nhân quả của Đạo Phật xây dựng cho dân tộc Việt nam một truyền thống rất đẹp đó là tính chan hòa yêu thương, mở rộng cõi lòng. Nói khác hơn là truyền thống tương thân tương ái. Một truyền thống thật gần gũi và gắn liền với con người Việt nam, dân tộc Việt nam, một dân tộc xưa nay vốn hiền hòa, thân thiện và dễ mến. Đặc tính yêu thương, mở rộng cõi lòng được thể hiện rõ nhất qua những việc làm nhân nghĩa, giúp đỡ lẫn nhau trong lúc khó khăn hoạn nạn. Nêu cao tính thân tương thân tương ái với phương châm “Nhuòng cơm xẻ áo”, “ Lá lành đùm lá rách”, “Một miếng khi đói bằng một gói khi no”. Những việc làm ấy phần nào phản ánh được phẩm chất cao đẹp của con người Việt nam. Thật đúng như lời của Cố Hòa Thượng Thích Đức Nhuận đã nói: “Hãy tỏ ra mình có đức hạnh, can đảm và hết lòng. Cố gắng thương yêu mọi loài. Con người chỉ xứng danh với danh nghĩa của nó chừng nào làm chủ được ý nghĩ, lời nói và hành động của mình về cả nội giới và ngoại giới. Chinh phục được ngoại là một công trình to lớn, nhưng điều đáng ca ngợi hơn hết vẫn là sự điều ngự được chính mình. Do đó, về phương diện luân lý, Đạo Phật đặt trọng tâm vào sự thiện ác , vào tội phúc báo ứng phân minh và vào luật nhân quả, vì biết rằng: làm lành được sung sướng. Làm ác chịu khổ sở. Nhân nào quả nấy. Hành động của chúng ta hiện nay ra sao thì kết trong ngày mai cũng lại y như thế. một hành động tốt hoặc xấu của cá nhân sẽ có ảnh hưởng đến toàn thể không ít ... Người có đạo đức luân lý là một con người hoàn toàn sung sướng nhất trên đời, khác nào như bông hoa nở đẹp, làm thơm cho cuộc thế”.

Qua những lời phát biểu trên, chúng ta không còn mơ hồ gì đối với giáo lý nhân quả. một triết lý xây dựng cho con người nhận biết trách nhiệm cá nhân để tự hoàn thiện cho mình một phong cách sống lành mạnh và có ý nghĩa nhất. Đặc biệt xây dựng mối quan hệ tương quan mật thiết giữa con người với con người, giữa con người với xã hội, với đất nước, với dân tộc.

Ngoài tính nhân văn khẳng định và đề cao giá trị con người cũng như xây dựng truyền thống tương thân tương ái, triết lý nhân quả còn xây dựng cho dân tộc Việt nam một truyền thống luân

lý đạo đức mang tính chất đặc trưng của văn hóa Việt nam. Truyền thống tôn vinh “ Đạo đức”, đó còn là quan niệm “Tích đức” vốn mang tính chất dân tộc tính rất cao. Nó thể hiện ý nghĩa giáo dục đạo đức làm người không chỉ trong hiện tại mà còn lưu lại ở mai sau. Hai chữ “tích đức” nghe qua sao thật bình dị đời thường nhưng ẩn chứa bên trong một giá trị nhân văn rất lớn. Quan niệm ấy vốn được hun đúc sâu xa từ tính chất nhân quả của Đạo Phật và đã ăn sâu vào lòng dân tộc Việt nam. Tích đức bao hàm ý nghĩa khuyên răn con người sống ở đời phải biết lấy nhân đức làm trọng, tránh xa các điều ác, nỗ lực làm các việc lành với một tâm nguyện cao đẹp là để lại cái “Đức” cho con cháu mai sau. Như ông cha ta thường nói:

“Cây xanh thì lá cũng xanh,

Tu nhân tích đức để dành cho con.”

Hay : “Cây xanh thì lá cũng xanh,

Cha mẹ hiền lành để đức cho con.

Mừng cây rồi lại mừng cành,

Cây đức lắm chồi, người đức lắm con.

Ba vuông sánh với bảy tròn,

Đòi cha vinh hiển, đòi con sang giàu.”

Để lại cho con cháu cái danh thơm tiếng tốt là một quá trình ông cha ta đã sống tốt sống đẹp (tu nhân tích đức) mà có được. Truyền thống ấy được tiếp nối từ thế hệ này sang thế hệ khác. Không những thế, trong quan hệ qua lại của xóm giềng, trong sinh hoạt của cộng đồng xã hội, người dân Việt nam luôn luôn khuyên răn nhắc nhở lẫn nhau sống sao cho tốt đẹp không chỉ cho hôm nay mà còn lưu lại tiếng tốt cho mai sau. Quan niệm và ý thức về hành động “Tích đức” luôn được người Việt nam coi trọng và lưu truyền cho nhau qua câu nói thật nhẹ nhàng mà sâu lắng “Ăn ở có đức mặc sức mà ăn”. Quan niệm ấy được xem như một lẽ sống tự nhiên không thể thiếu trong mỗi gia đình người Việt nam.

Dưới ảnh hưởng của lý nhân quả, truyền thống ấy dần dần đã trở thành một nếp sống tự nhiên của dân tộc Việt nam. Như lời Giáo sư Nguyễn Khắc Thuần đã nói : “Tích đức cho thế hệ sau là để lại gia sản thiêng liêng và vô giá nhất. Từ nhận thức với những mức độ khác nhau và từ phép ứng dụng thiết thực thuyết nhân quả vào cuộc sống, đạo đức làm người được tôn vinh, vượt lên trên tất cả những giá trị vật chất khác”

Tóm lại, tính nhân văn của thuyết nhân quả không chỉ mang ý nghĩa đối với những người theo Phật giáo mà nó còn có một sức sống mẫu nhiệm trong lòng dân tộc. Tính nhân văn ấy khẳng định vị trí quan trọng của con người, loại bỏ những quan niệm tiêu cực đang tồn tại trong xã hội. Trên phương diện luân lý đạo đức, thuyết nhân quả chính là nền tảng xây dựng những đặc tính quý báu mang đậm truyền thống đạo đức dân tộc Việt nam. Con người có trách nhiệm

và quyền tự do để định đoạt đời mình bằng nếp sống hiện tại. Qua đó mỗi cá nhân trong xã hội cùng nhau góp phần xây dựng cho cuộc sống ngày càng an vui và hạnh phúc.

C. KẾT LUẬN

Qua những điều trình bày trên, ta thấu hiểu giáo lý nhân quả một cách thật sáng tỏ, nhất là đời sống của mỗi con người không phải là một định mệnh đã được an bài như nhiều người lầm tưởng. Giáo lý nhân quả dạy cho ta bài học quý giá để tự mỗi cá nhân xây dựng cho mình một đời sống an lành hạnh phúc dựa trên chất liệu tự thân.

Một khi tin hiểu sâu sắc về luật nhân quả con người sẽ trở nên rộng lượng bao dung, ôn hòa, dễ mến. Bấy giờ con người sẵn sàng động viên chia sẻ cho nhau trong mọi hoàn cảnh sống. Họ hiểu rằng đem đến cho người những điều bất hạnh thì tự thân sẽ đón nhận những nghiệp quả khổ đau. Bằng ngược lại, mang đến cho người những điều an vui hạnh phúc thì tự thân sẽ được nhiều điều lợi lạc. Như trong Nho gia có câu “Kỷ sở bất dục vật thi ư nhân” cũng hàm chứa ý nghĩa trên. Cái điều mà mình không muốn thì cũng đừng mang đến cho người khác.

Giáo lý nhân quả dạy cho ta biết chế ngự mọi bất hạnh, ngăn ngừa ác tâm sanh khởi, xua tan cái nghiệp quả oan oan tương báo, đem lại niềm an lạc cho tự thân, cho tha nhân và xã hội. Trong gia đình cho đến bên ngoài cộng đồng xã hội nếu ai ai cũng tin hiểu sâu sắc về nhân quả ắt con người trong xã hội sẽ trở nên thánh thiện biết chừng nào. Một xã hội mà con người luôn lấy những điều nhân nghĩa, chân thật đối xử với nhau đúng mực trong tinh thần đồng bào, đồng loại. Sống vì hạnh phúc của tha nhân và tập thể chính là nếp sống tối thượng nhất của người học Phật.

Ngày nay, xã hội trở nên mất cân đối giữa đời sống tinh thần và vật chất. Nền khoa học thì phát triển mạnh mẽ như vũ bão, trong khi đó thì đời sống đạo đức con người ngày càng trở nên suy thoái. Tôn ty trật tự, luân lý đạo đức trong gia đình cũng như ngoài xã hội không còn nét đẹp truyền thống như xưa, mà dường như còn bị xem nhẹ. Một bộ phận giới trẻ ngày nay xem chuẩn mực đạo đức như một định kiến cổ hủ phong kiến. Chính bởi những đam mê dục vọng của cái gọi là thời buổi tân tiến hiện đại đã khiến cho bao con người trở nên điên đảo quay cuồng. Đó chính là những dấu hiệu rõ nhất cho thấy sự suy thoái của nền đạo đức trong thời đại mới. Trước những thực trạng ấy, vấn đề giáo dục đạo đức thông qua giáo dục con người nhận biết và tin sâu giáo lý nhân quả càng trở nên quan trọng và cấp thiết. Điều đó không có nghĩa là áp đặt cho trẻ một định kiến mà nhằm giáo dục hướng dẫn cho họ nhận thức đúng đắn về giáo lý nhân quả ở một góc độ thiết thực và khoa học nhất.

Giáo dục trong Phật Giáo nói chung và giáo dục đạo đức con người dưới triết lý nhân quả nói riêng đều mang một ý nghĩa là chỉ ra cho con người thấy được vai trò, trách nhiệm và giá trị quan trọng của mỗi con người đối với tự thân, tha nhân và xã hội. Như lời nhận định chung của Thượng Tọa Thích Giác toàn về vấn đề giáo dục con người toàn diện : “Giáo dục Phật giáo phải nhằm tới đối tượng là con người đúng như con người ở hai phương diện: con người tự thân và con người xã hội. Đó là con người với nhân cách người có khả năng giải thoát tự thân để vượt qua những ràng buộc, những khổ đau, và con người trong những mối liên hệ với tự nhiên và xã hội, trong thế giới duyên sanh, vô thường, khổ, không, vô ngã. Đó là ý nghĩa của con người toàn diện trong giáo dục Phật giáo”.

Thấy được giá trị của luật nhân quả, là người học Phật mỗi chúng ta cần áp dụng nó vào đời sống một cách thiết thực và có ý nghĩa nhất. Trong mọi cử chỉ nói năng hay hành động điều phát xuất từ những suy nghĩ thiện. Điều đó cũng có nghĩa là trước khi làm một việc gì chúng ta phải nghĩ đến hậu quả của nó sẽ mang lại cho người khác hạnh phúc hay khổ đau. Nếu hạnh phúc ta nên phát huy, nếu khổ đau ta nên đoạn tận. Hành động phát huy và đoạn tận cũng chính là gạn lọc cho tâm ý luôn được thanh tịnh và trong sáng dưới sự soi sáng của giáo lý nhân quả.

Thư Mục Tham Khảo

1. Đại Tạng Kinh Việt Nam, Trường Bộ Kinh, Tập I, VNCPHVN, 1992
2. Đại Tạng Kinh Việt Nam, Trung Bộ Kinh, Tập III, VNCPHVN, 1992
3. Đại Tạng Kinh Việt Nam, Tương Ưng Bộ Kinh, Tập I, II, VNCPHVN, 1992
4. Thích Minh Châu dịch, Kinh Pháp Cú, NXB Tôn Giáo, 2000
5. Thích Minh Châu, Những Lời Đức Phật Dạy Về Hòa Bình Và Giá Trị Con Người, VNCPHVN, 1996
6. Thích Minh Châu, Đức Phật Nhà Đại Giáo Dục, NXB Tôn Giáo, 2005
7. Thích Thiện Siêu, Chử Nghiệp Trong Đạo Phật, NXB Tôn Giáo, 2001
8. Thích Thiện Hoa, Phật Học Phổ Thông, Quyển 1, THPGTPHCM, 1997
9. Thích Thanh Từ, Phật Giáo Với Dân Tộc, THPGTPHCM, 1992
10. Thích Nhất Hạnh, Đạo Phật Đi Vào Cuộc Đời, Lưu Hành Nội Bộ, 2001
11. Thích Đức Nhuận, Phật Học Tinh Hoa, Triết Lý Việt Nam Và Triết Học Thế Giới California Tái Bản, 2002
12. Thích Đức Nghiệp, Đạo Phật Việt Nam, THPGTPHCM, 1995
13. Thích Chơn Thiện, Phật Học Khái Luận, NXB TPHCM, 1999
14. Thích Giác Toàn, Giáo dục Phật Giáo, tài liệu giảng dạy HVPGVN tại TP.HCM, 2005
15. Thích Trung Hậu, Ca Dao Tục Ngữ Phật Giáo Việt Nam, NXB TPHCM, 2002
16. Thích Viên Thành, Truyện Phật Bà Chùa Hương, NXB Khoa Học Xã Hội, 1996

17. Thích Chân Tính, Những Điều Đặc Sắc Của Phật Giáo Việt Nam, NXB Tôn Giáo, 2001
18. Thích Giác Dũng, Phật Việt Nam Với Dân Tộc Việt Nam, NXB Tôn Giáo, 2002
19. Thích Chơn Quang, Luận Về Nhân Quả, Lưu Hành Nội Bộ, 1999
20. Minh Chi, Truyền Thống Văn Hóa Và Phật Giáo Việt Nam, NXB Tôn Giáo, 2003
21. Minh Chi, Các Vấn Đề Phật Học, VNCPHVN, 1995
22. Minh Chi, Vai Trò Tôn Giáo Trong Sách Lược Phát Triển, Lưu Hành Nội Bộ
23. Nguyễn Lang, Việt Nam Phật Giáo Sử Luận, Tập I, NXB Văn Hóa Hà Nội, 2000
24. Nguyễn Khắc Thuần, Đại Cương Lịch Sử Văn Hóa Việt Nam, Tập II, NXB Giáo Dục, 2002
25. Trí Không, Những Bài Giảng Mẫu, THPGTPHCM, 1994
26. Trần Quốc Vượng Chủ Biên, Cơ Sở Văn Hóa Việt Nam, NXB Giáo Dục, 1999
27. Lê Cung, Phật Giáo Việt Nam Với Cộng Đồng Dân Tộc, THPGTPHCM, 1996
28. Nguyễn Văn Ngọc, Truyện Cổ Việt Nam
29. Nguyễn Đông Chi, Truyện Cổ Tích Việt Nam
30. Chương Trình Phật Học Hàm Thụ, Phật Học Căn Bản Tập I, II, NXB TPHCM, 1999
31. Tập San Pháp Luân, Số 7, Tháng 9/ 2004
32. Một Số Bài Viết Trong Tuần San Và Nguyệt San Báo Giác Ngộ.

[Nguồn: dentutraitim.com](http://dentutraitim.com)